VIỆT-NAM

Giải-Phóng

MỤC LỤC

* Cùng các độc-giả thân yêu
* Ngày xưa, khi mới độc-lập, nước ta sắp đặt công việc ra thế nào ? — *Nguyễn-văn-Tố*
* Ông Nhượng-Tống với Việt-nam quốc-dân-đảng — *Phạm-mạnh-Phan*
* Giọt máu hi-sinh — *Song-Cối*
* Nghĩa sĩ tự vẫn ca — *Lê-Thước*
* Cụ Phan-Bội-Châu với « Hải ngoại huyết thư ». — *Dương-tự-Quán*
* Lời chào-cờ — *Thi-Nham*
* Thơ và câu đối quanh việc Hoàng-Diệu tử trung — *H. B.*
* Tai nghe mắt thấy trong thời Pháp đô hộ — *Tiên-Đàm*
* Những cuộc cách-mạnh từ khi Pháp thuộc — *Hoa-Bằng*
* Vận-động độc-lập : Cụ Đốc-định-Trạch (1845-1917) — *Long-Điền*
* Tội ác người Pháp — *Trúc-Khê*
* Thanh niên trước cuộc giải-phóng của đất nước — *Phạm-mạnh-Phan*
* Việc học độc-lập — *Nguyễn-Phường*

3$00

Đặc-san Tri-Tân

Số 185-186 ra ngày Thứ Năm 10-5-1945

Tòa báo 95-97 Phố Chanceaulme—Hanoi

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN YÊU

Trong hơn bốn năm nay, ở dưới quyền đô hộ người Pháp, tư tưởng cũng như ngôn-luận đều bị chói buộc đàn áp, bản chí đã vì chế độ ấy mà nhiều việc chưa làm nổi, nhiều điều chưa nói hết, nên trên đường văn hóa chỉ mới gọi là nhắc đến các bậc anh-hùng, liệt sĩ, trong các số báo và đặc san đã ấn hành, để bạn đọc thấy chút rung động lòng ái quốc mà có tư tưởng về dĩ vãng của Tổ quốc.

Đến nay đứng trước thời cuộc ngoài việc ÔN CỐ chúng tôi cũng cần phải làm việc TRI TÂN để hưởng ứng với việc giải phóng mà quân đội Nhật bản đã vì chủ nghĩa Đại-đông Á, giúp nước Việt-nam mở một giai đoạn mới trong lịch sử.

Bản chí đã có chút an ủi là việc làm của mình có lẽ đã được đôi chút ảnh hưởng vì từ Nam ra Bắc phong trào lịch sử thật đã bồng bột khác nào như ngọn lửa bùng cháy vậy.

Căn cứ vào cái đích mà chúng tôi đã nhằm trong bao năm, ngày nay bản chí sẽ theo một thể tài mới để phụng sự Tổ quốc, làm tên phu gánh gạch, khiêng vôi trong việc sây đắp nền tảng độc lập.

Bản chí xin trông mong ở lòng tín nhiệm và sự cộng tác của các bậc tri thức cùng các nhà ái quốc để làm hết phận sự một cơ-quan mà tôn chỉ là « phụng sự Tổ quốc ».

TRI-TÂN

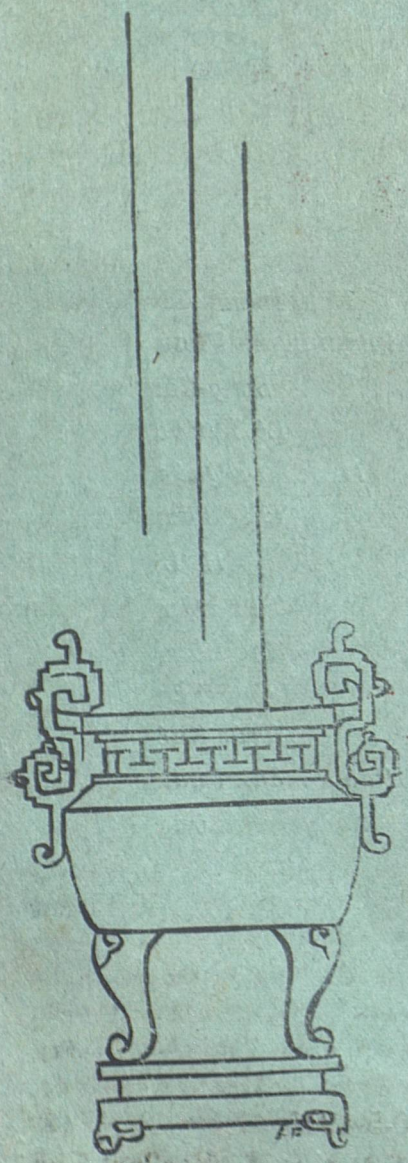

NGÀY XƯA, KHI MỚI ĐỘC-LẬP, NƯỚC TA SẮP-ĐẶT CÔNG-VIỆC RA THẾ NÀO?

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Nước ta từ ngày lập quốc đến nay, trải bao phen Bắc-thuộc, mỗi lần bị quan Tàu bà-khắc, thì lại có những bậc anh-hùng hào-kiệt nổi lên, đánh đuổi người Tàu ra khỏi bờ cõi, để lấy lại giang sơn, như Trưng-Vương, Lý-Bí, Khúc-Hiệu, Ngô-Quyền, Đinh Tiên-hoàng, Lê Thái-tổ..., đều là những tấm gương sáng treo trên đài độc-lập, ta nên soi vào đấy, xem công việc trị-nước của các nhà độc-lập có xứng-đáng với nghĩa tự-chủ hay không nên tôi tham-khảo các sử chữ nho chép ra bài này, nhưng không phải là dịch tất cả bộ sử Đại Việt chỉ chép công việc của một vị khai-sáng hoặc một vài đời kế-tiếp, tức là chép những công việc khi mới độc-lập.

***

Đầu tiên chép việc **Trưng-vương**. Xưa nay các nhà làm sử hễ nói đến việc khởi-nghĩa hay độc-lập, thì ai cũng phải nói đến Trưng-vương. Chính thế, nhà Hán quận huyện nước ta từ năm 110 trước Thiên-chúa, đến năm 34 sau Thiên-chúa, thì có Tô-Định sang làm thái-thú Giao-chỉ: Tô-Định là người tham bạo, Trưng-vương nổi giận, cùng em là Trưng-Nhị khởi binh đánh hãm châu-trị. Tô-Định chạy về Nam-hải, Trưng-vương lược-định 65 thành (7) ở Lĩnh-nam, tự lập làm vua vào năm 40 đến năm 43 sau T.-C. thì mất. Cứ kể ra, làm vua được có ba năm, thì công việc đã có gì là xắp đặt? Nhưng các sử ta (*Khâm định Việt sử tiền biên* q. 1, tờ 10 a *Đại-Việt sử ký toàn thư*, q. 3, tờ 2a) đều chép câu «lược định Lĩnh-nam lục thập ngũ thành», sử Tàu (*Hậu Hán thư*, q. 24, tờ 2a *Ngự Phê Lịch đại thông-giám tập lãm*, q. 21 tờ 43 b) cũng chép chữ «lược Lĩnh-nam lục thập dư thành»: tra *Từ nguyên* (q. ngọ, trang 65) thì «lược» nghĩa là trị, nghĩa đen là sửa sang, vậy thì công việc xắp đặt của Trưng-vương tức là ở câu ấy; vì đời đã xa và sử ta mãi đến đời Trần mới có, lấy với việc Trưng-vương là ngàn năm về trước tôi chép sao cho rõ được? Song sử Tàu đã chịu chép chữ «lược» thì biết việc xắp-đặt về đời ấy, không phải là không có.

Cách 498 năm nữa, lại có một vị anh-hùng gây nền độc-lập cho nước ta, là Lý Nam-Việt-đế, tức Lý-Bí hoặc Lý-Bôn. Năm 541, thứ-sử Giao-châu là Tiêu-Tư vì khắc-bạo mất lòng dân, nên Lý-Bí mưu khởi binh đánh đuổi Tiêu-Tư, hào-kiệt các châu đều hưởng-ứng. Tiêu-Tư biết tin, chạy về Quảng-châu, Lý-Bí ra giữ thành Long-biên (*Khâm-định Việt-sử, tiền-biên*, q. 4, tờ 1b *Đại-Việt sử-ký, tiền-biên*, q. 5, tờ 1b *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 4, tờ 15a). Đến năm 544 Lý-Bí tự xưng Nam-Việt đế, đặt niên-hiệu là Thiên-đức (nước ta đặt niên-hiệu bắt đầu từ đấy), gọi tên nước là Vạn-Xuân mong cho ngôi nước được lâu dài đến muôn đời, dựng điện Vạn Xuân để làm nơi triều-hội. Đặt trăm quan, cho Triệu-Tự làm Thái-phó, Tinh-Thiều làm tướng văn, Phạm-Tu làm tướng võ (*Khâm định Việt-sử, tiền-biên*, q. 4, tờ 2b và 3a *Đại-Việt sử ký toàn thư*, q. 4, tờ 15b *Đại-Việt sử-ký, tiền-biên*, q. 5, tờ 2a).

Kể từ khi Trưng-Vương mất nước (43) đến năm Lý-Bí đuổi Tiêu-Tư về Tàu (541), gần năm trăm năm Bắc-thuộc, tuy người Tàu có đem những chính-sách khôn-khéo để cai-trị đồng-bào dân ta, nhưng dân ta lúc nào cũng nghĩ đến chữ độc-lập, tự-chủ, cho nên Lý Bí bỏ thừa-thời, lập quốc, đổi tên nước, đặt hiệu Vua, xắp đặt trăm quan, xây dựng cung điện: Cái qui-mô trị nước, độ-lượng đế vương, có thể gọi là gần đủ. Còn về sự được thua, vì quân mình ít, quân Tàu nhiều, không nên lấy thế mà khái-lượng anh-hùng, cho nên Vua Tự-đức có phê (*K. đ. v. s.*, q. 4, tờ 7a) rằng: «Lý

Nam để tuy sức không địch nổi, cho nên việc không thành, nhưng mà biết thừa thời quật khởi, tự lập làm đế-quốc, thì cũng đáng làm tiên thanh cho họ Đinh họ Lý. » « Thật là một chữ khen, vẻ vang hơn mặc áo long cổn, nếu Lý Bí có thiêng, cũng nên nói rằng « ấy là người trí kỷ nghìn thu của ta » (*Sử ký cải lương*, của Nguyễn-định-Tuân, bản sao tr. Bác cổ số A 1146, q. 1, tờ 38a).

Hơn ba trăm năm sau (602 — 905), Trung-quốc lại nổi lên một nhà họ Khúc, ba đời kế tiếp nhau làm tiết độ-sứ, tức là Khúc-thừa-Dụ (sử chép là Khúc Tiên-chúa), Khúc-Hiệu (Khúc-Trung-chúa) và Khúc-Thừa-mỹ (Khúc Hậu-chúa); tuy chưa lập quốc xưng vương, nhưng người Nam cậy trị lấy dân Nam, thì họ Khúc chính là cái mầm cho họ Ngô, họ Đinh về sau. Mà cứ xem như trong sử đã chép, thì những việc của Khúc-Hiệu, đáng làm khuôn-mẫu cho các đời tự-chủ độc-lập về sau. *Khâm định Việt sử tiền biên* (q. 5, tờ 15 a) *Ngự chế Việt sử, tổng vịnh*, (q. 2, tờ 14 b) đều chép rằng: « Khúc-Hiệu nhờ nghiệp cũ, giữ La-thành, xưng tiết độ sứ của định các xứ, lộ, phủ, châu, xã, đặt chức chánh-lệnh-trưởng và tá-lệnh-trưởng, chia đều thuế ruộng, tha những việc mệt nhọc vô bổ cho nhân dân, làm sổ hộ-tịch (tức là sổ đinh của ta bây giờ, còn như sổ hộ tịch của ta bây giờ là sổ sinh, tử giá thú) biên chép họ tên làng quán, người Giáp-trưởng trông coi. Chính-sách cốt khoan-nhân giản-dị, dân được sống lại và nghỉ ngơi ». Khúc-Hiệu làm tiết-độ sứ được mười năm (907-916) thì mất.

Cách hơn hai mươi năm, có Ngô-Quyền nổi lên giết Kiều công-Tiễn để trả thù cho Quân-phụ, đuổi Nam-Hán để trả nợ cho nước, rồi tự lập làm vua. *Khâm định Việt sử tiền biên* (q. 5, tờ 20 a b), *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*, (q. 4, tờ 6 b), *Đại Việt sử ký toàn thư*, (q. 5, tờ 29 b) *Đại Việt sử ký tiền biên* (q. 7, tờ 6 a b) đều chép rằng: « Năm kỷ hợi (939) mùa xuân, Ngô-Quyền xưng vương đóng đô ở Cổ-loa. Đặt ra trăm quan, chế ra lễ nghi triều định, sửa định phục sắc » « Phục sắc, tuy sử không chép rõ đời ấy định thế nào, nhưng đại khái như vua thì mặc áo vàng, quan to thì áo đỏ, quan nhỏ thì áo xanh áo lam, rồi đến học trò thì áo thâm).

Sử thần Ngô-sĩ-Liên có bài bàn rằng: « Nhà Tiền-Ngô dấy lên không những có công chiến thắng, cả đến việc đặt trăm quan, chế lễ nghi triều đình, định phục sắc, cái qui-mô đế vương đều thấy đầy; thế mà hưởng nước không được lâu dài, chẳng thấy cái hiệu-quả trị bình, đáng tiếc thay! » (*Khâm-định Việt sử, tiền biên*, q. 5, tờ 21 a *Đại-Việt sử-ký, toàn thư*, q 5, tờ 21 a-b).

Lê-văn-Hưu bàn rằng: « Tiền Ngô-vương dem quân tân tập (mới nhóm) của nước ta, phá được quân trăm vạn của Hoằng-Tháo, mở nước cõi đế, tự xưng làm vua, khiến người Tàu không dám sang ta nữa; có thể gọi là anh hùng (lần tức giận mà yên được dân thật là khéo mưu mà khéo đánh). Tuy mới xưng vương, chưa dám xưng đế và đặt niên-hiệu, mà cái nền chính thống của nước Việt ta, ngỏ hầu lại nối được » (*Đại Việt sử ký toàn thư* q 5, tờ 21 a *Đại-Việt sử-ký, tiền-biên*, q. 7, tờ 6 b).

Nguyễn-định Tuân làm bộ *Việt-sử Cải-lương* có bài bàn rằng « Tiền Ngô-vương trong sửa chính trị, ngồi dẹp giặc cướp, thật là công-nghiệp anh hùng, trên nối quốc-thống của Hồng bàng, dưới mở nền cho Đinh, Lê thật là một bậc anh-kiệt « quang tiền dự hậu » sáng về trước, truyền về sau » của nước Việt ta (*Đại Việt sử-ký cải lương*, số A 1146 tờ 62 b).

Ngô-Quyền làm vua được có sáu tháng thì mất (939 944). Từ năm 945 tới 965 vua Dương-tam-Kha tiếm ngôi, vừa hai con Ngô-Quyền không hợp nhau, cho việc không có gì đáng chép.

Đến năm 965, Ngô-Xương-Văn mất, anh hùng trong nước không ai chịu ai, mỗi người chiếm cứ một cõi thành ra thời-kỳ mười hai sứ-quân, được hai năm, thì Đinh Bộ-Lĩnh mở cờ bông lau, bình định thiên-hạ, đánh đâu được đấy, nên gọi là Vạn-thắng-vương.

« Năm mậu thìn (968) Vạn-thắng-vương lên ngôi hoàng-đế đặt tên nước là Đại-cồ-Việt. Lúc ấy vua (Đinh-tiên-hoàng) muốn đóng kinh đô ở Đàm-thôn, nhưng vì đất hẹp mà không có lợi hiểm trở, bèn dựng kinh đô mới ở Hoa

ấy (nay phủ Trường-yên thuộc tỉnh Ninh-bình), đắp thành, đào hào, xây dựng cung điện, chế ra lễ-nghi chốn triều-đình » (*Khâm-định việt sử, chính-biên*, q. 1, tờ 1 a đến 3 a *Đại-Việt Sử-ký, toàn-thư bản-kỷ* q. 1, tờ 2 b).

Năm 971, định giai phẩm các quan văn võ và định giai phẩm các ăng đạo. Năm 975, định mũ áo các quan văn võ. Năm 974, « chia trong nước làm mười đạo, đặt ra mười đạo quân, mỗi quân mười lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười ngũ, mỗi ngũ mười người, đều đội mũ tứ Phương bình-định (mũ làm bằng da, bốn bên khâu giáp nhau, trên hẹp dưới rộng, gọi là bình-định) (*Khâm-định Việt sử* q. 1, tờ 4 a đến 6 a).

Về việc đặt mười đạo quân, « sử thần Ngô Ngọ-Phong (tức Thi-Sĩ) có bài bàn rằng : « Xét ra cái phép quân-lữ này, từ một ngũ mười người đến một đạo mười quân, tính số ra, thì mỗi quân một vạn người, tổng cộng số mười đạo quân, thành ra một trăm vạn người, lấy sự ăn mặc của một trăm vạn người ấy, thì phải phiền phí đến ức vạn người cung ứng mới đủ. Nếu như thế, thì sức lực trong một nước, sao cho chịu nổi ? Chắc là lúc bấy giờ chưa chia lỗ, binh với nông, hễ có việc thì đổi ra làm lính, xong việc rồi lại cho về làm ruộng ; nay là phép lối lính dân ở bốn trấn ngày nay, chỉ có tên trong sổ linh mà thôi ». (*Lịch-triều hiến-chương*), bản sao trường Bác-cổ, số A 50, q. *Binh-chế*, tr. 6).

Thế là xắp đặt về việc nước, việc dân, về việc binh đủ cả.

« Vua (Đinh Tiên hoàng) muốn lấy ơn, để trị thiên hạ, mới đặt vạc lớn ở sân, nuôi hổ dữ trong cũi, rồi hạ lệnh rằng : Ai trái phép thì mổ (để nấu ở vạc) và cho hổ cắn, người đều sợ hãi không ai dám phạm ». *Khâm định Việt sử* q 1, tờ 3 a).

Ay công việc kiến thiết của đời Đinh chỉ thấy sử chép như thế. Một lẽ là Đinh Bộ-Lĩnh làm vua không được bao lâu, hai là đến đời Đinh mới chính thức độc lập thì các công việc còn phải sửa sang dần, ba là đến đời Trần nhà có sử, đối với đời Đinh thì công việc ba trăm năm về trước, chắc sử chép còn thiếu. Bởi những cớ ấy, cho nên không thấy đời Đinh có mấy nỗi việc.

Đại Việt sử ký tiền lương (tờ 74 a-b) có bài bàn rằng : « Nước Việt ta từ khi họ Triệu bị nhà Hán thôn-tính, hơn một nghìn năm Bắc thuộc, thỉnh thoảng có người anh hùng khởi lên, như Trưng Nữ-vương, Lý Nam-đế, Triệu Việt Vương, Mai-hắc-Đế, Phùng-đô Quân, Ngô-Vương Quyền, hoặc công việc không xong, hoặc chỉ có hai đời đến như Đinh Tiên-hoàng, tự xưng đế nước mình, thông sứ sang Tàu, tuy rằng qui mô hãy còn lạo thảo, chưa có thể hoàn toàn, nhưng quốc thống nước Việt ta thực bắt đầu từ đấy ».

« Xét ra nước ta, từ cha con họ Khúc, dần dần đã có cái thế tự chủ giang sơn ; Ngô Vương giết được kẻ thù của quân phụ, đuổi được quân Nam-hán, tuyệt được cái quyền người Tàu áp chế, một mình chuyên vận cả vào trong tay, có thể gọi là bậc hào kiệt ; Đinh Bộ Lĩnh quật khởi, nhân đó mà xưng đế cả cõi đất. Người sau đem cái công chính thống quý cho họ Đinh, há không truy nguyên đến họ Ngô mà suy tôn họ Khúc hay sao ? »

« Đinh Tiên-hoàng làm vua được mười hai năm (968-979) thì bị giết, con là Đinh-Toàn nối ngôi được tám tháng, vì tình thế đối với nước Tàu mà phải để cho Lê-hoàn làm vua, tức là Lê đại hành.

Lê Hoàn tay đối với họ Đinh vẫn mang tiếng là cướp ngôi của thầy, nhưng lúc bấy giờ nếu không có Lê-Hoàn cầm cự quân Tống, thì ai là người giữ lấy nền độc-lập cho nước ta ? Lê-Hoàn lại là người có óc kiến-thiết hơn cả ông vua độc-lập khác cách khoảng thế kỷ thứ mười : xem như sử chép dưới này đủ biết Lê-Hoàn đã có cái công phò làm cho quốc phú binh cường.

Sau khi đánh được Tống rồi, Lê-Hoàn ngồi đến việc điền. Nguyên nước ta từ đời Lê Đại-Hành trở về trước chưa

(Xem tiếp trang 8)

Cuộc phỏng vấn của Tri-Tân

ÔNG NHƯỢNG TỐNG VỚI VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

PHẠM-MẠNH-PHAN

Việc trước khi giới quân đội Pháp đêm mồng 9 tháng ba dương lịch 1945 đã cướp lại nền độc lập cho nước nhà. Trong khi quốc gia được giải phóng, các đảng chính trị đã thấy công nhiên xuất đầu lộ diện để làm việc cho tổ quốc.

Nhiều người nhắc nhở đến Việt nam quốc dân đảng, một đảng chính trị đã gây nên bao vụ đổ máu ghê hồn để chống lại với kẻ thù chung.

Muốn biết về Việt nam quốc dân đảng, không gì bằng hỏi ngay một yếu nhân của đảng đó, ông Nhượng Tống, người đã trưởng thành với đảng ngay từ lúc khai sơ.

***

Tôi đã gặp ông ngay tại nhà trọ ở phố Của Nam, ông là một cựu chính trị phạm và trước kia là một biên tập viên đắc lực của Thực Nghiệp dân báo. Trong làng bút mực, cái tên ông không phải xa lạ.

Ông bận nam phục và có vẻ nho nhã. Với những cử chỉ ôn tồn, ông đã tiếp tôi trên một căn gác vắng vẻ.

Bước chân vào phòng, tôi như có cảm tưởng đã lạc lõng vào một nơi đầy những sự bí mật và quan trọng!

Tôi nhẹ nhàng vào chuyện:

— *Chúng tôi mong ông cho biết qua về lịch sử Việt nam quốc dân đảng mà nhiều người đang mong đợi.*

Ngồi xếp chân vòng chòn trên chiếc ghế bành kiểu mới, và nhìn thẳng vào tôi, ông bắt đầu phá một mối ngờ về lai lịch của đảng:

— Nhiều người ngờ rằng Việt nam quốc dân đảng lập nên do các anh em ở ngoài như Nguyễn hải Thần, tức Tú Nhạc ở Quảng Châu bên Tàu. Ông Hải Thần quê ở Đại-từ và là giáo sư trường Hoàng-phố. Ông có lập một đảng cách mệnh, nhưng không dính líu gì đến Việt nam quốc dân đảng của chúng tôi lập ngay tại nước nhà vào hồi năm 1926-1927.

Tôi ngắt lời ông để tìm tới nguồn gốc của đảng:

— *Vậy, vì một nguyên nhân gì mà ông và các bạn đồng chí lập nên đảng?*

— Giao đó tôi còn nhớ đâu vào năm 1925 thì phải, sau hồi viên toàn quyền Merlin bị ném bom ở cảnh Quảng-châu, anh Nguyễn Thái Học và tôi thấy ở Đông dương, người Pháp chỉ thi hành chánh sách giả dối và lừa lọc. Mặc dầu viên toàn quyền mới Varenne thuộc đảng xã hội xướng lên cái thuyết Pháp-Việt đề huề, nhưng chúng tôi thấy chỉ là câu chuyện lường gạt và che đậy sự vờ vịt của họ. Dưới sách viên toàn quyền mới, dân Việt nam ta lại càng bị trói buộc hơn bằng những đạo luật thất cổ, như luật về báo chí chẳng hạn!

Toàn dân lấy làm thất vọng. Và thái độ người Pháp giao đó giống hệt như câu tôi đã viết trong cuốn *Cách mệnh tiên thanh*: «*Tay phải giơ ra để huề, nhưng tay trái luồn xuống để lần lưng mổ tái*»!

— *Cuốn sách đó ông có cho xuất bản?*

Ông Nhượng Tống cười và đáp:

— Những sách như thế giao còn họ cai trị thì xuất bản làm sao được. Cuốn đó tôi đem in «lậu» để phân phát cho các đồng chí.

Ngừng một vài giây như để ôn lại những bước đường đầu trong đời chính trị, ông nói luôn một mạch:

— Tôi nghĩ họ không thật lòng khai hóa cho mình thì cộng tác

với đồ buồn làm sao được. Tôi quyết tranh đấu, tranh đấu đến cùng. Tôi vốn là một người đầu óc ưa hòa bình nên nghĩ ngay đến hòa bình cách mệnh.

Một mặt tôi cùng Phạm tuấn Tài, Phạm tuấn Lâm, tức Dật-công, là hai bạn thân, lập nên Nam đồng thư xã để cho xuất bản các sách có tính cách tuyên truyền, cổ động tinh thần ái quốc và giúp đỡ đồng bào trong việc công dân giáo dục.

Một mặt, tôi cổ động các thợ thuyền, các công chức lập lên những hội tiết kiệm và hợp tác xã để dự bị một cuộc tổng bãi công. Tôi tin rằng nếu thi hành điều dự định của tôi thì món tiền các thợ thuyền cùng các công chức tiết kiệm trong sáu năm sẽ đủ nuôi họ và gia đình họ để đồng lòng bãi công trong sáu tháng! Sau sáu tháng thì trong công việc hành-chính và các nghành công thương đều hỗn loạn

Trong khi ấy và chỉ khi ấy chúng tôi sẽ cổ động đến quân lính sự bất tuân thượng lệnh! Nhờ sức ủng hộ của binh công, chúng tôi mong sẽ làm xong cuộc quốc gia cách mệnh!

Tôi đã bắt đầu hồi đó thi hành điều tôi ước mong vì đó chính là tối cách mệnh hòa bình.

Nhưng khi gặp anh Nguyễn thái Học, anh Hồ văn Mịch thì các anh cho cái chương trình của tôi hoàn toàn thuộc không tưởng (utopie) không thể thực hành được ở xứ mình. Anh Học nói:

— « Người Pháp đã đổ máu cướp tự-do của ta, ta cũng phải đổ máu mà đòi lại! Muốn lấy lại nền độc lập cho đồng bào thì phải cần dùng đến võ lực để đánh đổ chủ quyền người Pháp, để đuổi họ ra khỏi đất nước này ».

— . . . . . ?

— Sau ba đêm bàn bạc với các đồng chí, đề án đề nghị của anh Học được mọi người tán thành. Tôi năm đó kém anh Học ba tuổi, mới có 21, là người bé nhất. Lẽ cố nhiên tôi phải phục tòng đa số.

Từ khi đó chúng tôi mới liên lạc các anh em đồng chí ở khắp nơi mà bí mật hành động để lập nên Việt nam quốc dân đảng.

Ở các nơi như Thanh-hóa, Bắc-ninh, Hưng-yên giáo đó đã có những đoàn thể cách mệnh, nhưng những đoàn ấy chưa có danh hiệu cùng chương trình hành động rõ ràng và duy nhất.

Chúng tôi gặp anh em rồi tất cả đều nhập vào đảng do chúng tôi tổ chức.

Cổ động trong ít lâu mà đảng viên của đảng đã rất đông. Theo các sách của người Pháp thì có tới vài nghìn người, nhưng đó là theo số người bị bắt vào năm 1929. Đúng ra thì đảng bấy giờ đã có trên hai vạn, và đến 1930 tất cả Bắc kỳ đảng viên đã lên tới trên 7 vạn người!

Ngạc nhiên về con số vĩ đại ấy, tôi liền bước sang câu hỏi chính:

— *Với một số đông đảng viên ấy, chắc cách tổ chức của đảng cũng.....*

Tôi chưa nói hết lời thì người tôi phỏng vấn liền tiếp luôn:

— « Chúng tôi đã tổ chức đảng chia làm 4 bậc: trung ương đảng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ và chi bộ.

Trung ương có 8 ban: ban tài chính, ban tuyên truyền, ban tổ chức, ban binh bị, ban kiểm sát, ban trinh thám, ban giao thông và ban ám sát.

Dưới trung ương đảng bộ là kỳ bộ. Tất cả có 3 kỳ: Trung, Nam, Bắc.

Từ tỉnh bộ trở xuống chỉ có 4 ban, tuyên truyền, tổ chức, tài chính và giám sát.

Mỗi chi bộ có 19 đảng viên vì giáo đồ cố lộ cấm không được hội họp quá 19 người. Nói là 19 nhưng nhiều khi mỗi chi bộ không đủ con số đó. Mỗi khi họp ở nơi thì do ban tổ chức tìm nơi và quyết định rồi mệnh lệnh sẽ do các đảng viên truyền đi, đảng viên ấy ở trong bộ giao thông.

Trong trung ương đảng bộ, anh Nguyễn khắc Nhu tức Sử Nhu làm chủ tịch, còn anh Nguyễn thái Học thì là phó chủ tịch.

Đến 1929 đảng chúng tôi chia làm hai ban: ban lập pháp và ban chấp hành. Ban lập pháp thì anh Sử Nhu đứng đầu. Ban chấp hành thì anh Nguyễn thế Nghiệp.

Nghe xong một đoạn dài về cách tổ chức đảng, tôi tò mò muốn biết cách vào đảng, liền hỏi:

— *Mỗi khi một người muốn vào đảng thì buộc phải có những điều kiện gì?*

— Có! Muốn vào đảng thoạt tiên phải có 2 người trong đảng giới thiệu. Rồi đảng phái người đi điều tra trong một tháng. Việc điều tra ấy đảng ủy cho bàn trinh thám.

(Xem tiếp trang 34)

Khi mới độc lập, . . .

(Tiếp theo trang 5)

có tiền, dân gian đại khái đem những đồ đạc đổi lẫn cho nhau; đến việc dùng người, có tuy nền bên Tàu đem sang, nhưng tồn-hóa (kho của) chưa lưu thông, nên công tư đều không tiện. « Năm 984, vua Lê Đại-Hành cho đúc tiền Thiên phúc » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 1, tờ 20 a):

Nước ta bắt đầu có tiền từ đấy (*Lịch-triều hiến-chương* chép việc tiền-tệ từ đời Lý thì nhầm).

Đối với việc binh, Lê Đại-Hành rất chú ý: « Năm 986, chọn những người khỏe mạnh bổ vào quân túc-vệ, gọi là thần-quân, đều chạm bạ chữ « Thiên-tử quân » ở chân » (*Khâm-định Việt sử chính-biên*, q. 1, tờ 21 a): ba chữ Thiên-tử quân có lẽ là tên một đội; ta chớ nên cho lời chạm chữ như thế là mãn-tự, vì văn-thân của ta có từ đời Hùng bàng, mãi đến đời Trần mới lỗ.

« Năm 1002, kén những người khỏe mạnh ở trong dân đinh sung vào đội ngũ, của tướng hiệu làm bài ban, chế ra vỉ ngoan (?) mũ đầu-mâu để sai cho lục quân » (*Khâm-định Việt-sử chính biên*, q. 1, tờ 35 a).

Trị nước phải có pháp luật, nên đến năm 1002, vua Lê Đại Hành xuống chiếu cho các bậc tôn đứng ra luật lệnh, để ban hành trong nước » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 1, tờ 35 a).

Lại muốn mở đường nông cảng để khuyến dân, nên thân hành cầy ruộng tịch điền (*Khâm định Việt sử*, q. 1, tờ 23 a).

« Năm 1002, đổi mười đạo làm lộ, phủ và châu (*Khâm-định Việt sử*, q. 1, tờ 35 b). Nguyên đời Đinh chia trong nước làm mười đạo, đến đời Lê Đại-Hành đổi lại, nhưng không rõ cách xếp đặt thế nào.

Ngoài việc binh, việc nông, việc dân, trong đời Lê Đại-Hành lại có mấy việc công-tác như việc đào cảng, mở đường:

« Năm 983, đào xong Tân-cảng. Nguyên khi vua Lê Đại-Hành đi đánh Chiêm-thành, qua từ núi Đồng-cổ (xã Đan-nê, huyện Yên-định, Thanh-hóa) đến sông Bà hòa (xã Đồng-hòa, huyện Ngọc-sơn, Thanh-hóa) đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa mỏi mệt, bèn sai đào tân-cảng, đến đây (983) đào xong, công tư đều được thuận tiện » (*Khâm định Việt-sử*, q. 1, tờ 20 a).

« Năm 992, sai phụ-quốc là Ngô-tử-Ân đem bảy vạn người mở con đường bộ từ cửa bể Nam-giới (ở giáp giới Nghệ-an và Hà-tĩnh bây giờ) đến châu Địa-lý của Chiêm-thành (nay phủ Quảng-ninh thuộc Quảng-bình) » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 1, tờ 28 b).

« Năm 1003, vua Lê Đại-Hành đi vào Hoan-châu đào cảng Đa-cái » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 1, tờ 35 b).

Từ Đinh (968-979), Lê (980-1009) trải qua Lý (1010-1224), Trần (1225-1413), ngót năm trăm năm độc lập, công việc của các vua đời trước, cha truyền con nối càng ngày càng mở mang thêm, mà càng ngày càng được hoàn-thiện. Cho nên khi vua Lê-Lợi khởi nghĩa-binh đánh đuổi người Tàu; lấy lại quyền độc-lập thì công việc đâu ra đấy.

Nhà Minh sang xâm chiếm nước ta từ năm 1414, cách nay năm (1418) vua Lê Lợi khởi binh, mãi đến năm 1427 mới đuổi được quân Minh về Tàu.

Thế mà trong năm 1426 vua Lê-Lợi đã làm những việc có khí-lượng độc-lập, có qui-mô tự-chủ. Như việc mở khoa thi lấy nhân-tài để bổ các chức. *Khâm định Việt-sử* (q. 13, tờ 36 a-b) chép rằng: « Lúc bấy giờ vua (Lê Lợi) ở hành dinh Bồ đề (ở thôn Phú-hựu, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-Ninh) họp những học-trò văn học hiểu dụ ở thành Đông quan, vua thân đến chấm thi, lấy tất cả ba mươi sáu người đỗ, bổ chức An phủ sứ các lộ và chức Viên-ngoại-lang sáu bộ » (Việc này *Đại-Việt sử ký bản kỷ thực lục*, q. 10 tờ 26 a chép hơi khác).

Sang năm sau (1427) vua Lê Lợi « ra lệnh cho các lộ tiến-cử người hiền-lương phương-chính, trí-dũng bác-kiệt triệu vào ứng đối xứng chỉ thì dùng, nếu ai che lấp tài-đức người khác thì bị giáng bị truất » (*Khâm định Việt-sử* q. 14, tờ 15 a).

Đến tháng mười hai năm ấy vua Tàu bỏ bố-chính-sứ-ty ở Giao-châu, Vương-Thông đem quân về Tàu: thế là vua Lê-Lợi đã toàn quyền tự chủ nước Đại-Việt. Sang tháng giêng năm sau (1428) tuy chưa lên ngôi hoàng đế, nhưng vẫn lưu tâm đến việc học. Cho nên « trong kinh-sư đặt nhà quốc-tử-giám, kén con cháu các quan và những người

tuấn tú ở dân gian vào học; ngoài thì đặt các nhà học từng lộ, kén con em những nhà lương-gia ở dân gian sung vào hiệu sinh ở lộ; đặt chức sư nho để dạy bảo» (*Khâm định Việt sử* q. 15, tờ 2 a). Vào khoảng tháng mười năm ấy (1428) vua Lê-Lợi «ra lệnh các quan đại thần tiến cử những người hiền-lương phương-chính» (*Khâm định Việt sử*, q. 15, tờ 14 b).

Tháng giêng năm sau (1429) ban chiếu kén con các quan văn võ vào hầu hoàng thái-tử học (võ từ quản-lĩnh, văn từ hành-khiển trở lên, có con trai từ 9 tuổi đến 15 tuổi được vào hầu hoàng thái-tử để cùng học) và đến thụ nghiệp ở nhà quốc-học (võ từ đồng-tri trở xuống đến đại-đội-trưởng, văn từ thượng thư trở xuống đến thất phẩm, có con trai từ 9 tuổi đến 17 tuổi đều được đến học ở nhà quốc-học) (*Khâm định Việt-sử* q. 15, tờ 17 a-b).

Tháng năm năm ấy (1429) ban chiếu cử những hiền-tài còn sót» và «thi minh kinh Nguyên trước-kia vua Lê-Lợi sắc các quan văn võ trong kinh ngoài nước, từ tứ-phẩm trở xuống, văn thông kinh sử, võ thông võ-kinh, đến tháng năm năm sau, tề tập cả ở Đông-kinh; đều đem nghề-nghiệp mình khảo-thí, đến đây (1429) mở khoa Minh-kinh, lại sắc quan nhân các lộ và những người ẩn dật ở rừng núi, ai thông kinh sử giỏi văn chương, đến tới tỉnh-đường chờ lệnh quan cùng thi» (*Khâm-định Việt-sử*, q 15, tờ 23 a-b).

Năm 1431, tức là «năm thứ tư hiệu Thuận-thiên, mở khoa thi hoành-từ. Lúc ấy vua ngự hành cung Bồ đề xem thi, bọn Nguyễn Thiên Tích (người xã Nội duệ, huyện Tiên-du) được đỗ, cho sung làm ngự-tiền học-sinh» (*Khâm-định Việt-sử*, q. 15, tờ 28 a và *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 2 a-b).

Năm 1433 tức là «năm thứ sáu hiệu Thuận-Thiên. Vua (Lê Lợi) thân ra đầu bài thi, chưa rõ bao nhiêu người đỗ, có chép Chu-Xa (người huyện Yên-Phú) đỗ đầu» (*Đăng-khoa-lục*, q. 1, tờ 3a). Xem như thế thì vua Lê-Lợi làm vua có sáu năm, mà mở đến bốn khoa thi, còn những chiếu cầu hiền, cử-dị đã nhiều lắm; thế mới biết vua Lê Lợi không những lấy võ công mà định thiên hạ, chính là nhờ văn sức mà được thái-bình.

Trong việc ấy có một điều xuất sắc hơn các vua Đinh, Lê, Lý, Trần là: «tháng sáu năm thứ hai hiệu Thuận thiên (1429) sắc các tăng đạo, ai thông kinh điển, cẩn thận giới hạnh, tới tỉnh đường khảo thí, hễ trúng tuyển thì được cấp thiếp làm tăng còn ngoài ra phải hoàn tục» (*Khâm định Việt-sử*, q 15, tờ 24 a). Như thế, thì không đến nỗi quá đáng ở thượng Phật như Lý, Trần, mà những phường «trốn chúa lộn chồng» như phương-ngôn đã nói, cũng không có chỗ dung-thân để làm ô-danh cho Phật giáo.

Xong việc họ việc thi, đến việc sắp đặt trăm quan. Như năm 1426, tức là sắp đến năm lấy lại hết cõi đất, «Vua Lê-Lợi chia các lộ ở Đông-đô làm bốn đạo, đặt các quan văn võ trong kinh ngoài nước và chức tuần-kiểm ở cửa bể, để dò xét những người đi và đem thư về Tàu» (*Khâm định Việt-sử*, q. 13, tờ 32 a).

Tháng tư năm 1427, «vua ban ba điều huấn-giới răn trăm quan: một là chớ về tình; hai là chớ lừa-dối, kinh-nhờn; ba là chớ gian và tham» (*Khâm định Việt sử* q. 14, tờ 13 b)

Năm 1428 «Ra lệnh cho các đại thần xét những thuộc viên trong ngoài chia làm ba bậc: Bậc nhất là văn võ tài cán; bậc nhì là học thức tinh mẫn; bậc ba là tinh thông thư toán» (*K. đ. v. s.* q. 15, tờ 9 b).

Đại khái việc sắp đặt trăm quan như thế.

Còn đến việc binh, thì khi vua Lê Thái-tổ khởi binh, tuyển những đinh khỏe mạnh ở Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa làm lính, hễ mỗi có ba người đinh trráng, thì một người đầu quân. Phàm các xâu thuế đều tha ba năm. Sau khi binh Ngô (tức là đuổi người Tàu mới) lên đặt các lộ làm lính». (*Lịch triều hiến chương q* bản sao trường Bác-cổ số A 50 q. *Binh chế*, trang 46).

Năm 1426 — Vua dụ các đại thần thiếu bảy và các quan tả, hữu lệnh trong quân lính từ nay trở đi phạm phép, không được thiện-tiện giết người. Dùng có lục làm định (tội cố giảm) mà tha-tội thì cho theo quân pháp làm nghĩa» (*K. đ. v. s.* q. 14 tờ 11 b)

(Xem tiếp trang 38)

Giọt máu hi-sinh

SONG CỐI

Sau khi bôn-tính nước ta, người Pháp một mặt dùng những chính-sách xảo quyệt để câu nhử lung lạc nhân tài, một mặt dùng uy võ cường bạo để hết sức áp đảo, thẳng tay trừng trị những phần-tử cách-mệnh, khiến nguyên-khí quốc dân mỗi ngày một hao mòn, phách lực sĩ phu mỗi ngày một bạc nhược để mong giữ vững lấy quyền lợi ở xứ này.

Dẫu sự đè-nén càng mạnh, thì sức phản động lại càng hăng. « Con run sẽ làm cũng quắn », huống chi một dân-tộc đã có những trang lịch-sử oanh-liệt : phá Tống, bình Chiêm, đánh Nguyên, đuổi Minh, chiến thắng Mãn Thanh, há lại đời đời chịu khuất phục dưới cương-ách người Pháp ?

Với can-đảm, cương-cường, hùng-kiện, anh dũng, biết bao đầu đã rụng vì đồng bào, để tranh lại tự do, chủ-quyền và lãnh thổ. Những trang sử Nghĩa-liệt viết bằng chữ máu đáng ca, đáng khóc ấy trong khoảng hơn 60 năm nay, nếu nhặt lượm dồn chứa lại, chắc hẳn thành một tập dày. Nay chỉ đan cử một vài nhân-vật tiện khảo được đưa lên kỷ-niệm dài để nhắc nhở quốc dân nhớ đến những bậc đã dâng mình làm hi-sinh trên bàn thờ Tổ quốc.

« Đây, giết thì giết đi ! »

Nguyễn Thần là con trưởng cụ Nguyễn Thuật, tức Tán Thuật, Bắc-kỳ hiệp-thống quân vụ đại-thần dưới triều Hàm-nghi (1884-1885), là cháu mười hai đời cụ Nguyễn Trãi, cứu quốc anh-hùng đời Lê Thái-tổ (1428-1433), quán làng Nhị-khê, huyện Thượng-phúc tỉnh Hà-đông.

Khoảng năm giáp-thân và ất-dậu (1884-1885), Nguyễn Thuật và Tôn-thất Thuyết đấy quân cầu-vương, nhưng sau vì thiếu khí-giới tinh-nhuệ, nên nghĩa binh ngày một suy kém. Bữa 23 tháng 5, năm ất-dậu (1885), vua Hàm-Nghi phải chạy đi Cam-lộ (Quảng-trị).

Tán Thuật, cha Nguyễn Thần, bấy giờ đóng một vai trọng-yếu trong quân-giới, chống nhau với người Pháp. Sau mấy năm huyết chiến ở Hải-dương, đạn dược không đủ, Tán Thuật phải trốn sang Tàu.

Hồi cha ra đi, Nguyễn Thần hãy còn ít tuổi, nhưng đã khẳng-khái có chí, không theo câu « cha nào con ấy » ở cửa miệng người đời. Nguyễn thường kết nạp những tay hào kiệt, có ý đi theo con đường cha đã vạch sẵn.

Vì vậy, Nguyễn bị chính phủ Pháp bắt, đày ra một hải đảo.

Vài năm mãn hạn, Nguyễn được thả về sống vẫn phải quản-thúc nghiêm ngặt vì bị coi là hạng người « nguy hiểm ».

Có lần, bị người Pháp đòi hỏi, Nguyễn vẫn thản-nhiên, tỏ vẻ ngang tàng trước thái-độ nộ-nạt ngăm-đe của quân bao ngược.

Nhà đương chức nổi giận, rút súng dọa bắn : Nguyễn phanh ngay áo, chìa ngay ngực, hăng-hái nói : « Đây, muốn giết thì giết đi ! Việc gì phải cáu kỉnh dọa dẫm thế ? »

Nhà chuyên trách ấy hầm hầm, lừ lừ không nói, xua tay : đi đi đi !

Ừ thì đi ! Thế rồi Nguyễn đi... đi tìm cái sống oanh-liệt !

Một buổi hè, Nguyễn, nhân lúc người Pháp không để ý, đem ngay mẹ vào Yên-thế (Bắc-giang) theo hoàng Hoa-Thám (tức Đề Thám) tướng-quân.

Khi tiếp Nguyễn ở trại quân, Đề Thám lấy làm ưng ý lắm. Thế là, từ đó, Nguyễn hợp tác với họ Hoàng, dương cai bùm ở nơi rừng thẳm.

Mùa xuân năm kỷ-dậu (1909), trận thắng ở Yên-thế, Nguyễn có dự chiến công.

Rồi Nguyễn xin với Đề Thám tự đem một cánh quân, chia đường xông ra đánh một cái đồn của quân Pháp. Chẳng ngờ có tên thổ hào ở một quả núi vùng đó trước theo Đề-Thám, bấy giờ bỗng đổi dạ thay lòng, dẫn quân Pháp đến vây kín mấy vòng quanh chỗ Nguyễn đóng.

Tả xung, hữu đột, cố sức chống đánh được nửa ngày, thuốc đạn hết sạch, Nguyễn phải chết vì nạn nước. Bấy giờ là tháng 4 năm kỷ dậu (1909) (1).

(1) *Theo tài-liệu trong « Nam chi tập » của cụ Nguyễn thượng Hiền*

Yên bái, « Hoàng-hoa cương - Việt - nam !

Sau khi việt-nam quốc dân đảng đã đổ bể, phàm những đảng-viên dự vào việc Yên-bái đều bị Hội-đồng đề-hình, do người Pháp đặt ra, khép vào tử hình cả.

Đêm 16 tháng sáu 1930, viên chánh mật thám Arnoux và viên cầm Pujol cùng nhiều viên thanh-tra vào khám lớn Hà-nội, dẫn ra 13 người sau đây, cột hai người chung một giây xiềng, giải đến ga Hàng Cỏ, đưa lên một chuyến xe lửa đặc biệt chực sẵn, trong toa có máy chém đem theo.

Nhà ga, có lính bồng súng, canh gác rất nghiêm-ngặt.

Hồi một giờ 40 phút đêm ấy, xe-lửa tới Yên-bái. Dân thành-phố không đi biệt cả.

Năm giờ rưỡi sớm hôm sau (17-6-1930); các nhà liệt-sĩ lần-lượt lên đoạn đầu đài :

1) *Nguyễn Thái Học*, 23 tuổi, đảng trưởng, nguyên sinh-viên trường Cao-đẳng Thương-mại, quán làng Tảo-tang, tỉnh Vĩnh-yên:

2) *Phó Đức-Chính*, 23 tuổi nguyên cán-sự chuyên môn, quán làng Đa-ngưu, tỉnh Bắc-ninh.

3) *Bùi Tư-Toàn*, 37 tuổi, thầy thuốc-ta, quán làng Xuân-lũng, tỉnh Phú-thọ.

4) *Bùi Văn-Chuân*. 37 tuổi, quân-nhân, quán làng Đại-công tỉnh Kiến-an.

5) *Nguyễn Ân*, 31 tuổi quân-nhân, quán huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an.

6) *Hà Văn-Cáo*, 25 tuổi, nông-gia.

7) *Đào Văn-Nghĩ*, quân-nhân. .

8) *Ngô Văn Du*, quân-nhân

9) *Nguyễn Văn-Thính*, quân nhân.

10) *Nuyễn Văn-Tiêm*, quân nhân (cai), quán huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

11) *Đỗ Văn-Tú*, quân-nhân.

12) *Nguyễn văn Cưu*, quân nhân (cai).

13) *Nguyễn Như-Liên*, tức *Ngọc-Tỉnh*, 20 tuổi, học sinh, quán làng Cao-mại, tỉnh Phú-thọ (2).

Khi lên máy chém, trước nhất là Hà-Văn Lao, thứ đến Nguyễn Văn-Cưu, rồi Đỗ Văn-Tú, v.v., cuối cùng là Phó Đức-Chính và Nguyễn Thái-Học. Tất cả 13 mạng chỉ nhoáng trong 50 phút ! Những thi-thể tử quốc ấy bị ngẫu-nghiến bỏ vào quan-tài, chở xe bò, đem đi chôn tại một nơi ở Yên-bái, « Hoàng-hoa cương » Việt-nam !

Người ta thuật lại rằng, khi đi chuyến xe lửa ấy, các nhà liệt-sĩ vẫn vui-vẻ nói chuyện, hút thuốc lá, tỏ một thái-độ bình tĩnh trước cái chết. Lúc lên đoạn đầu đài, nhiều người hăng hái hô : « Việt nam vạn tuế ! Việt-nam Độc lập vạn vạn tuế ! » SONG CỐI

(2) *Bản danh sách 13 liệt sĩ này là theo báo Tiếng Dân nhật ấn ở tờ France-Indochine 18-6-1930.*

NGHĨA SĨ TỰ VẤN CA

Ôi giời đất xây vần đâu khác,
Hỡi giang sơn gánh vác sao đây ?
Tử trung tử hiếu là hay,
Dao này liệu với thân này cho xong.
Gan anh hùng mấy lâu đã tìm,
Mang con dao mong chém giặc giời.
Mấy phen súng lớn gươm dài,
Vẫy vùng núi rộng biển khơi thiếu gì.
Nỗ (chẳng) may lại gặp khi bôn bá,
Nước đến chân thấy đã buồn rầu,
Tiếng thơm nhớ những ngàn thâu ;
Máu giàn Kê-thị rằng hầu thư-dương (?)
Đành hay phận mình đương bé bé,
Vẫn như trăn (quăn) như dế quản bao.
Khó gì gieo cái hồng mao,
Thôi thôi liều một ngọn dao quỉ thần.
Không thấy kẻ hàng thần lơ láo,
Dễ ăn không tiền gạo cho ngon.
Không bắt mèo cũng bắt tròn,
Những là vào cúi ra lòn (luồn) đã nao.
Dù thao kẻ rừng cao ẩn bóng,
Quyết thề lòng chèo chống non sông
Một mình danh nghĩa đã xong,
Trăm đường làng nước tổ tông thế nào ?
Giời giời cao mà vua vua ngái (xa)
Biết cho không thằng dại ngày xưa,
Vực sâu từng rửa tiếng dơ
Rừng xanh nay để bia thừa về sau
Quân sĩ đắn lại đây ông biểu, (bảo)
Cụ già lên cậy nói phân minh,
Rằng ta cái kiếp ba sinh,
Cù lao chưa chút thỏa tình mẹ cha ;
Đành mẹ già hai hàng giọt thấm ;
Mà con thơ một tấm lòng đơn,
Kìa giời đất nọ giang sơn,
Trung là hiếu đó, thác hơn sống thừa,
Quản gì liều một hai mưa !

Lê Phất tức ông Kiệm Phất tự thân, ông người làng Trung Lễ, tổng Vân-lâm, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, ông theo đảng cần-Vương bị thất bại, làm ra bài ca này bày tỏ tâm sự trước khi dùng dao mổ bụng, lôi ruột ra tự vẫn để khỏi sa vào tay người Pháp, ông chết để lại bà mẹ già với người vợ trẻ đã sinh được một đứa con gái này còn thơ ấu. Tương truyền bài này do ông Lê trọng Đỉa tức thầy Đầu phủ làm ra. Lời văn bi thảm mà khẳng khái, có thể thành với bài « chinh khí ca » của Văn thiên Tường xưa kia.

LÊ THƯỚC *sao lục*

HAI ÔNG PHAN-BỘI-CHÂU, LÊ-ĐẠI

VỚI TẬP HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ

Khái-Sinh DƯƠNG-TỰ QUÁN

Năm 1907 là năm Đông-kinh nghĩa thục thành lập ở Bắc-kỳ, ông Phan Bội-Châu có gửi về cho các ông chủ trương trường ấy một tập thơ gồm bằng chữ Hán đề là Hải ngoại huyết thư (Bức thư viết bằng máu ở nước ngoài). Ông Từ-Long Lê-Đại có đề thêm vào vài bài tục bút, rồi mấy ông Hoàng-Tăng-Bí, Dương-Bá-Trạc và vài ông khác tự tay viết ra rồi lại tự tay in tiếp mấy vạn bản phát khắp trong nước. Đọc bản chữ nho của ông Phan đã thấy hay lắm, mà đọc đến bản dịch của ông Lê-Đại thì người người làm lì, hàng hàng gẫm thầm, càng đọc càng thấy hứng cảm, chớ nên cái ảnh hưởng của nó đến lòng hồn quốc dân bấy giờ thật là tuyệt đối, nhưng cũng vì ảnh hưởng ấy quá xấu xa nên sau khi Đông kinh nghĩa thục tan, người nào còn giữ nó đều bị bắt và xét án 20 năm khổ sai ra.

Bản này giải lắm, đến 740 câu. Nay xin tóm tắt đại để các bạn đọc biết cái giá trị của nó.

Bản nay có nhà tập.

Về tập đầu, tác-giả vào bài

Người nước ta ta là rất lạ,
Nông bội này nghĩ đã biết chưa?
Hay còn mê mẩn mơ hồ;
Hay còn hớn hở như trò chơi?

Rồi tác giả vạch những cách người Pháp hại mình như sao:

Một là nó trăm chiến toan bắc (1)
Nghĩ kế nào giết được giống ta.

Nhưng nó không vét hết ngay của của mình

Kế cùng ta phải liều mình không thôi,
Năm mươi triệu há ngồi chịu chết?
Cũng có phen kịch liệt một lần,
Sao bằng nó lấy dần dần,
Mỗi năm mỗi thuế mỗi phần mỗi tăng.

« Âm toan » đã sanh, nó dùng kế « Dương bác » để người mình phải chết như dại mới gớm ghê:

Làm cho tàn hại nước nhà,
Điều dương bác ấy lại là kiểm sâu!
Nó nuôi mình như trâu như chó,
Nó cột mình như cỏ như rơm
Trâu nuôi béo, cỏ mọi rờm,
Cỏ mọi dễ cỏ, trâu làm thịt trâu.

Sau tác-giả bảo ta phải đối phó thế nào?

May còn được lúc bây giờ,
Hơi tàn còn thở, sức thừa còn đưa,
Mượn thanh tuế lần la ngoại quốc,
Đem anh hùng chống vác giang san.
Cat lâu cũng dắp nên cồn
Đá lâu lấp bể, ta còn giống ta.

Đến tập sau tác giả phác qua cái hại mất nước vì đâu:

Một là vua, sự dân chẳng biết,
Hai là quan chẳng thiết yì dân.
Ba là dân chỉ biết dâu,
Mặc quân với quốc mặc thân với ai.

Mà cái nước mình nào có phải là cái nước nên yếu gì!

Này xem gương truyền xưa kia,
Kẻ công hùng vũ ai bì được đâu.
Nọ thuở trước, đánh Tàu mấy lớp,
Cõi giời nam cơ nghiệp mở mang,
Sông Bằng lớp sóng Trần Hưng,
Núi Lam rẽ khói mở đường nhà Lê,
Quang-Trung dẽ tự khí độc lập.
Khí anh hùng đầy lấp giang sơn.
Lòng giời rộng mở nước non
Ta nay may vẫn hãi còn nước ta.

Thế thì tại sao vậy? ấy chẳng qua là ta không biết đồng tâm hiệp lực đó.

Thôi chẳng kể sự trăm năm trước,
Xin anh đây cả nước một niềm,
Việc đâu nặng, chín mang cũng nổi,
Xin tay nào kéo lại non sông
Làm cho sáng rỡ lò tông

Rồi tác gia kêu gọi giải đồng tâm của dân nước:

Nào là kẻ phú hào trong nước,
thì nên:

Đem lòng phò dẽ ra tay anh hùng
Khơi bốn bể, nổi rồng hành vũ,
Deo nghìn vàng, tạn ngựa trung phong
Người giúp của, kẻ ra công,
Xin ai hào phú trước cùng bạng cho.

Nào là người quan tước thế gia
thì nên:

Đem thân đại biểu cho người,
Dựng nên độc lập xướng bài tự do.
Nghĩa thầy tử trước cho vẹn đạo,
Công phụ thù sau bao Tổ tiên.
Con khá giống giỗi bậc hiền,
Đồng tâm chữ ấy nên biên vào lòng

Nào là sĩ tịch bấy giờ
thì nên:

Sự phân giản nay ngồi nghĩ mẹo,
Mai thừa cơ đặn giao đeo gươm,
Giang sơn quay lại giời Nam
Đỉnh chung khắc để tiếng thơm lâu giài.

Nào những kẻ lưng đeo súng đạn
thì nên

Tình sự thế, nay vừa gặp hội,
Việc kíp rồi liệu phải mau mau.
Cùng nhau mấy vạn đồng bào,
Quyết đem tính mệnh mà liều một phen.

Nào những kẻ côn đồ nghịch lữ
Xưa nay quen thói hung hăng,
Súng con trong tài, dao lưng bên mình.
thì hễ gặp những hạng:

Rước voi đến dày mồ ông vải.
Cũng hồ về làm hại người nhà
Thế thời quyết hẳn không thà,
Giấn đồ mà thất là ta tính liền,
Mong sự được vẹn tuyền cũng thỏa.
Chẳng may ra chở ngỡ cũng đành.
Trước làm cho nó thất kinh,
Sau là để tiếng sao danh muôn đời

Nào liệt nữ nước Nam đâu tá
thì nên bắt chước kẻ tên tài râp sĩ, hay những người bình nghĩa khuyết phu vì:

Đàn bà thế mới anh hùng
Chị em ta phải càng lòng khuyên nhau.

(Xem tiếp trang 36)

1) *toan là làm cho héo hắt đi bác là bóc lột.*

LỜI CHÀO CỜ

Sáu mươi năm trong vòng thuộc Pháp,
Lá cờ vàng ngơ ngẩc, thờ ơ,
Dẫu thường trước gió phất phơ,
Nhưng cờ đâu phải hiệu cờ Việt-nam :

Trên một góc nền vàng rộng phẳng,
Đính thêm ba màu trắng, đỏ, xanh.
Gớm cho Pháp-tặc tung hoành.
Muốn cho Nam-quốc biến thành Tây-nhung,

Sao chẳng biết non sông Nam-Việt ?
Trên thiên-thư đã liệt cõi bờ,
Xây nền Độc-lập từ xưa,
Trưng-vương sớm đã dựng cờ tiên-phong.

Triệu-Âu, nữ anh-hùng bản quốc,
Ngọn cờ vàng phất trước đầu voi.
Quân Nguyên phách lạc hồn rơi,
Hiệu cờ sát Thát nhớ đời Đông-A
Lê Thái tổ tự nhà khởi nghĩa,
Cờ Lam-sơn mất vía quân Minh.
Phá hai mươi vạn Thanh-binh,
Hiệu cờ vô-địch Bắc Bình thuở xưa.
Trên lịch-sử lá cờ Nam-việt,
Trải bao đời oanh-liệt vẻ-vang
Từ ngày Pháp tặc tràn sang
Giả danh bảo-hộ mưu đường thực-dân.

Đã mấy bậc hiến thân cho nước,
Vì hở cơ, lỡ bước thiệt thòi,
Xương tan, thịt nát, đầu rơi,
Bóng cờ ủ rũ dưới trời bấy nay !
Nhờ Hiệp khách ! ra tay giúp sức,
Và thanh niên tận lực hi-sinh,
Tháng giêng một buổi bình-minh,
Ngày hai mươi sáu Pháp binh cuốn cờ.

Trả lại chỗ cho cờ Nam-Việt,
Trước kỳ đài lẫm-liệt, oai-nghi.
Huy-hoàng một sắc vàng tươi,
Phất phơ cùng với « mặt trời » tung cao.

Hăm-nhăm triệu đồng bào tổ quốc,
Xin cùng nhau đứng trước kỳ đài,
Trung-thành muôn miệng một lời :
Tung-hô cờ Việt muôn đời dài lâu.
Xin phát nguyện cùng nhau gắng sức.

Ủng hộ nền Độc-lập Việt-nam
Sao cho nòi-giống da vàng,
Mai sau cùng bước lên đường thịnh chung !

THI-NHÂM

THƠ' VÀ CÂU ĐỐI QUANH VIỆC HOÀNG DIỆU TỬ TRUNG

Hồi năm 1936, tôi có viết trên tờ Tân văn tuần báo (Sài-gòn) một bài về « Hoàng Diệu » (T. V. số 82 ngày 28 tháng ba, số 83 ngày 4 tháng tư và số 84 ngày 11 tháng tư 1936) trong có dựa theo tài-liệu ở cuốn Nos premières années au Tonkin của Paulin Vial (Voiron, 1889) mà nói về cái chết của cụ Hoàng Diệu, vậy nay xin nhắc sơ lại để bổ túc cho bài của ông Khổ-đế-trai đã đăng Tri-Tân số 182:

Sau trận huyết chiến ngày 25 tháng tư 1882 (mồng 8 tháng ba, nhâm ngọ), cụ Hoàng Diệu viết xong tờ huyết biểu, liền ra bên Võ miếu (cũng gọi là miếu Công-thần) thắt chiếc khăn nhiễu màu lam mà thắt cổ trên cây ổi, rồi dặn người đầy-tớ của cụ lao thảo mai táng. Chiều đến, H. Rivière sai người thông-ngôn vào thành điều tra xem có đúng không. Viên thông-ngôn bèn sai người đầy-tớ đem bới ít đất lên để nhìn mặt cụ Hoàng, thì thấy ở cổ cụ hãy còn quấn cái khăn nhiễu màu lam là đồ cụ đã dùng để tự ải.

Cụ Hoàng đã chết vì nước, lấy được nhiều giọt nước mắt của đám sĩ-phu, những thơ-văn và câu đối lần-lượt đang đây chính là nét mực lịch-sử in lại những tia hào-quang của cái chết trung ấy.

Để giúp các bạn tiện bề xem xét, tôi xin dịch âm, dịch nghĩa những thơ và câu đối quanh việc Hoàng Diệu tử tiết.

Riêng về câu đối, câu nào cũng có tác-giả của câu ấy, nhưng vì lâu ngày, mỗi bản để một khác, nên nay bất đắc dĩ phải tạm bỏ lạc-khoản đi, để tránh cái nạn « râu nọ cằm kia ». Vậy xin các độc-giả thân mến lượng thứ.

H. B.

***

當世局之艱難大地山河悲千載
紫人綱于一死孤臣心事足千秋

Đương thế cục chi vạn nan, đại địa sơn xuyên bi thập tải!
Hệ nhân kỷ vu nhất tử, cô thần tâm sự túc thiên thu.

Dịch

Gặp cuộc đời hàng mở khó khăn, nước cũ non sông thương mười năm lận!
Buộc đạo người trong một cái chết, tôi côi tâm sự, tỏ ngàn thu sau.

***

不死故人四河九州聞義烈
有怀吾士十年兩度泣英雄

Bất tử cố nhân: tứ hải cửu châu văn nghĩa liệt.
Hữu hoài ngô thổ: thập niên lưỡng độ khấp anh hùng.

Dịch

Người cũ chẳng chết đâu: bốn bể chín châu đồn nghĩa liệt.
Nước nhà còn nhớ mãi: mười năm hai lượt khóc anh-hùng.

***

使人皆先生不和無害
有聞於後世雖死猶生

Sử nhân giai tiên sinh: bất hòa vô hại.
Hữu văn ư hậu thế: tuy tử do sinh.

Dịch

Giá hết thảy như ông: chẳng hòa không hại.
Ấy về sau để tiếng: dẫu chết tựa còn.

***

貞哉節獨苦如公示曰盡
心焉是非有朝廷定論
愧矣志不果於我方知能
死者古今爲天下最難

Trinh tai tiết độc khổ! như công diệc viết tận tâm yên: thị, phi hữu Triều-đình định luận.
Quý hĩ chí bất quả! ư ngã phương tri năng tử giả: cổ kim vi thiên-hạ tối nan.

(Xem tiếp trang 24)

TAI NGHE MẮT THẤY TRONG THỜI PHÁP ĐÔ HỘ

TIÊN-ĐÀM

I) Phát chẩn

Khi thượng-thư Pháp Reynaud qua thăm Đông dương, ngoài sự bắt bớ đàn áp, không cho biết sự thực, quan chức ở thuộc-địa còn làm những việc giả dối nực cười, đó là cuộc phát chẩn cho dân nghèo ở Vinh.

Được tin Thượng thư Reynaud qua Vinh, viên Công sứ sức cho quan lại, tổng lý, y hẹn ngày giờ, tụ tập tất cả dân nghèo họp trong một quán chợ. Rồi bọn này phải chờ... chờ mãi đến lúc ôtô của Reynaud đến, các nhà từ thiện (!) mời đến chỗ phát chẩn, nào phát gạo, nào phát tiền, nào an-ủi. Cả ngày hôm sau cũng thế. Thật là rất nhân đạo !

Nhưng khi đoàn phái bộ rời khỏi Vinh thì dân lại đóng đấy, tãn trở hạ màn, đâu-vẫn đói khổ.

Làm thế nào được ! Chính sách thuộc-địa chỉ cốt che mắt người trên để củng cố địa vị của mình

II) Một chân chó, hai chục cam

Viên phó giám binh C... coi đồn B. S. tỉnh Thanh-hóa xuất thân hạ sĩ quan lê dương thuộc địa, vốn người hung hãn, tàn bạo.

Ngày ngồi « trấn tiủ » đồn B S, công việc quan trọng lúc bình-thì ở một đồn hẻo-lánh, hằng nghiễm-nhiên là chúa tể một phương, cả ngày chỉ có hai việc giồng rau, giồng đậu (lo miếng ăn) và huýt chó săn cầy, săn cáo.

Một ngày, nhân chủ đồn lên tỉnh hội-thượng (nói ra giọng việc quan), ở nhà không biết cồng ngõ thế nào, hay không ai bầu bạn, chó quan lẻn xuống làng B. S. rồi cũng như quan thấy nó, sục sạo quấy, nhiễu dân cư.

Một chú khán có sào khoai sắp giỡ bị chó đến bới, gậm mất mười củ, điện tiết sẵn thuồng lao ra, trúng chân, chó ang-ẳng lê một mạch về đồn.

Sáng hôm sau, quan về, huýt... huýt mãi không thấy chó đâu, nóng tiết, bắt đầu gọi quản, rồ cai, rồ lính, cả đồn nhốn-nháo, hoảng sợ về con chó Đồ đi tìm, thấy nó nằm mọp một chỗ Trong nhà củi, đem ra thì eao ôi ! chó quan què mất một chân trước ! Thế là lôi cinh thét mắng, đánh-đập, chửi rủa, sau có bác phu trạm mồng môi nói là khán mỗ ở B S. đánh què.

Lập tức, viên quản đồn sai lính xuống làng nã tróc lý trưởng.

Lý trưởng đã nơi biết truyện, sợ quá xong phải lẻn, nhưng mỗi lần lẻn lạ phải « vi thiồng » cái gì ngó trước, nhìn sau, trong vườn còn ít cam, sai bẻ bẩy vào khay 20 quả, rồi theo lính bưng lên đồn.

Đến nơi, lính vào bẩm, viên quản đồn ra ngồi hiên, mặt hầm hầm, lý trưởng để khay cam lên trong bành lang, chắp tay sắp nói thì... Bốp ! bốp ! hai cái tát của hai bàn tay đã-man đã in trên má hòa nhịp với một chuỗi chửi rủa nửa tiếng Pháp nửa tiếng ta tự tiu.

Lý trưởng sờ cả khăn, choáng người, hoa mắt, toan nói thì cả khay cam bị bắt vào mặt, cam tung ra sân, viên quản đồn còn đá bồi cho cái nữa.

Thật chuyện chân chó !

III) Ba thuyền đá

Tháng sáu năm ấy, nước sông Nhị nổi lên to, ngày nào cũng thấy viên chức sở công chính qua qua lại lại khúc đê Đồng-viên, vì theo tờ trình, năm trước sông Đuống đã nguy-ngập nên năm nay quãng đê này phải cho là sung-yếu.

Một cái khôn ngoan, tài giỏi của sở Trị thủy là dùng đá đổ « kè » để ngăn sức nước. Sáng kiến ấy, viên lục-lộ sung Trị thủy đem ra thi-hành tr ệt để... Người ta cũng thấy lù lù tiến đến bên đê một thuyền đinh chở đầy đá và được trút hết xuống sông, đấy gọi là đổ « kè ».

Cách mươi hôm sau, quan chánh đi khám, theo hầu có đủ viên chức lý dịch thêm cả bác cai-tuần nước da bánh-mật, bộ râu « ghi đông » (guidon) nữa.

(Xem tiếp trang 37)

NHỮNG CUỘC CÁCH-MẠNH
TỪ KHI PHÁP THUỘC

HOA-BẰNG

Lịch sử dân tộc Đại Việt đã chứng thực rằng nước này tuy nhỏ, dân này tuy ít, nhưng cái tính cương-cường không chịu nép mình dưới ách người ngoài đô-hộ bao giờ cũng tràn trề sôi nổi trong mạch máu con nhà Lạc-long.

Chẳng thế, trong vòng Bắc thuộc hàng nghìn năm, những cuộc khởi nghĩa cứ tiếp tục tiến tới : hết Trưng Chắc, Trưng Nhị đến Lý Bôn (hoặc Bí, hoặc Phần), Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ, Ngô vương Quyền người trước ngã, người sau dậy, cố làm cho thực hiện cái nền độc-lập, gắng giựt cho kỳ được cái quyền tự-do : Thật đúng như câu phong-dao đã nói :

Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan !

Gương hi sinh của ông cha nghìn thu vẫn tỏ rạng ; hồn chính-khí của Đại Việt bao giờ cũng bàng-bạc khắp non sông.

Đến thời người Pháp đô-hộ cái tinh thần « trăm gãy không sờn » ấy lại càng tỏ rõ trong những hào quang bất diệt của các phần tử cách-mệnh.

Nhà cầm bút chỉ biết cố tìm sự-thực mà ghi chép, chứ không lấy thành bại mà luận anh hùng.

***

Trận phản công ở Huế (1885)

Sau khi người Pháp đã dùng võ lực chiếm lấy Nam, Bắc-kỳ, Triều-đình Huế phải dần lòng nhắm mắt ký hiệp-ước Patenôtre ngày 6 tháng sáu 1884.

Tôn-thất Thuyết cho thế là nước mình mất hết chủ quyền, bèn ngấm ngầm mưu cuộc phản công, mặc dầu vẫn biết phía mình kém hẳn khí-giới tinh nhuệ.

Bấy giờ là đêm mồng 4 rạng mồng 5 tháng bảy 1885 (22-23 tháng 5, ất-dậu). Tôn-thất Thuyết, trước đó, có lẽ tụ-tập được độ một vạn quân (1) trong tay. Thuyết, sau khi phân phát lương-thực và khí giới cho quân lính, sai bắc 800 cỗ súng đại bác lên mặt thành. Em Thuyết là Tôn-thất Trấc giữ việc bắn phá toà Khâm Còn Thuyết và Trần-Xuân-Soạn dự bị đánh Trấn bình-đài tức đồn Mang-cá. Trận phản công bắt đầu từ một giờ rưỡi sáng mồng 5 tháng bảy 1885 (23 tháng 5, ất-dậu).

Trong khi đó, những vùng quanh tòa Khâm, đồn Mang-cá và các trại lính Pháp ở phía bắc thành Huế đều đông đặc những người Nam ta xông xáo đánh phá, hò-la ồn-ào. Rồi quân ta ném các mồi đuốc và đồ dẫn hỏa ra đó các nơi lửa bốc ngùn ngụt. Thừa cơ lúc lửa sáng ấy, những súng đại bác trong thành nhắm bắn vào những chỗ địch có người Tây ở (2)

Về trận này, người Pháp cũng có thiệt hại : 12 người chết trong có Drouin (đại úy) Bruneau (đại úy) và Lacroix (trung úy) ; 73 người bị thương, trong có Pelicot (thiếu úy), Herschel (thiếu úy), Bellamare (đại úy) và Borne (đại úy).

Vì biết trước, nên người Pháp đã đề-phòng. Trong khi đêm tối, quân Pháp ẩn nấp trong hầm, coi bắn lại cầm chừng thôi.

Sáng ra, người Pháp, với thủ đoạn tàn-độc, hết sức tàn sát và đàn-áp : quân dân mình chết như ngả rạ ! Bộ Lại, bộ Binh trại lính, kho lương và kho thuốc súng của ta đều bị đổi phá. Lửa cháy đến hai ngày hai đêm.

Đến nay, những ngày 22, 23, 24 tháng 5 âm-lịch, dân gian ở Huế thường làm lễ cúng âm,

hồn các chiến sĩ tử vong hoặc các lương dân vô cố bị nạn, tức là một dấu-tích kỷ-niệm đoạn sử đau-thảm này.

Từ đó, vua Hàm Nghi (1885), phải bôn bá : cũng từ đó dảng văn-thân khắp nơi nổi dậy với cái khẩu hiệu « cần vương ».

***

Cuộc khởi nghĩa của các Văn thân

Từ bữa 7 tháng bảy 1885 24 tháng 5, ất-dậu), vua Hàm-Nghi chạy đi sơn phòng Cam lộ (thuộc Quảng-trị) Tôn thất Thuyết lấy mệnh-lệnh thiên tử truyền hịch đi các nơi, kêu gọi lòng trung ái của đám sĩ-phu Trung, Bắc.

Nghĩa binh nhiều nơi nổi dậy. Ở Trung kỳ : Trần Văn Dự lập Nghĩa-hội ở Quảng-nam rồi các tỉnh Bình thuận, Bình-định, Phú yên kế-tiếp hưởng ứng; Trương Đình Hội và Nguyễn Tự-Như nổi lên ở Quảng-trị ; Nguyễn Phạm Tuân và Lê Trực xướng nghĩa ở Quảng bình ; Hà Văn-Mao đề-kháng ở Thanh-hóa. Ngoài Bắc-kỳ thì Tán Thuật cao treo lá cờ cứu quốc ở Hải-dương;

Nay xin đàn cử việc Phan Đình-Phùng (3).

Phan, người làng Đông-thái tổng Việt-yên huyện La sơn, tỉnh Hà-tĩnh, từ ngày tháng mười ất-dậu (1885) đến bái yết vua Hàm Nghi ở nơi bệnh tại miền thượng du tỉnh Hà-tĩnh, hứa xin xả thân cứu quốc, được nhà vua phong làm Tán lý quân vụ thống tướng các đạo nghĩa quân.

Phan liền về quê làng Đông thái, khởi nghĩa cần vương. Trong khoảng một tuần, được tới 5, 6 nghìn nghĩa sĩ hưởng ứng ; đồn trại đằng giăng đóng khắp một tổng Việt-yên.

Năm bính tuất (1886), Phan đóng ở làng Phụng-công, huyện Hương-sơn.

Đến năm sau (1887) Phan thất bại, phải bỏ hai tạt Hương-sơn, Hương-khê, chạy ra Bắc.

Sau nhờ có bộ tướng là Cao-Thắng (4) ở lại thu thập tàn quân, đúc khí-giới, mộ binh-lính, làm cho thanh thế nghĩa binh ở ba tỉnh Hà-tĩnh, Nghệ-an và Quảng bình lại thêm mạnh

Cao-Thắng bấy giờ đã có, hơn 500 khẩu súng vừa kiểu cũ, vừa kiểu mới, và dưới cờ được ngót 1.000 quân.

Sau khi Phan từ Bắc quay về, đám nghĩa binh có đồ chiến, cả kỷ luật này lại càng hoạt động : từ núi Vụ-quang đến Trung-khê, Trí-khê, dài ngót 100 dặm, đều dựng liên tiếp những trại và đồn, Phan chia làm 15 nơi quân-thứ gồm cả các phần tử của các văn thân hoặc võ tướng xung theo một đích khôi phục nước Nam.

Năm nhâm thìn (1892), quân Phan bắt được Tuần phủ Đinh Nho Quang làm Tiễu-phủ quân-vụ hạt Hương sơn giúp người Pháp trong việc đàn-áp quân nghĩa dũng.

Bởi tháng 10 năm quý tỵ (1893), Cao Thắng tiến quân định đánh Nghệ-an, dọc đường, phá luôn được mấy đồn bên địch. Nhưng khi đánh đồn Nỗ, Cao mắc phục binh, bị trúng đạn rồi chết nước.

Sau khi Cao mất, Phan phải rút lui đóng quân ở núi Đại-hàm (thuộc hạt Hương-khê, Hà-tĩnh), giữ thế thủ.

Năm ất-mùi (1895), trận đánh ở núi Vụ quang, nghĩa binh được toàn thắng : kết quả phía người Pháp chết ba viên quan võ, mất hơn 100 khẩu súng và đồ vật cùng tiền bạc vô kể. Thật là một trận oanh-liệt nhất trong 10 năm kháng chiến của Phan tướng quân.

Nhưng bấy giờ nghĩa binh đã đông bước chân phải khốn đốn ở trên núi Quạt (cũng thuộc huyện Hương-khê), thêm sau ngày 13 tháng 11 năm ất-mùi (1895) là ngày cụ Phan Đình Phùng phải vì lo buồn khổ khổ, phần lo mà phải bịnh lỵ mà chết (mới 49 tuổi), họ không có lập được, nên kẻ thì bỏ trốn, người thì ra hàng kẻ cụm một cách thê thảm. Mà cụ Phan bị đào lên xương cụ bị đốt ra tro, trộn với thuốc súng mà bắn xuống La-giang. Cùng các tướng Nguyễn Trạch, Nguyễn Mậu cộng 23 người đều bị chém cả.

(Xem tiếp trang 28)

(1) Cái số nước lược này là theo trong Union Indo-Chinoise của R.B.

(2) Dựa tài liệu trong tờ Avenir Tonkin ngày 25 tháng bảy 1885.

(3) Việc Phan Đình Phùng ở phần này là dựa tài liệu trong cuốn « Phan Đình Phùng » của Đào Trinh Nhất. Mất Linh xuất bản.

(4) Tử quốc ngày tháng 10, quí-(1893), hưởng thọ 29 tuổi.

Một nhà chí-sĩ đã tham dự vào công cuộc

VẬN-ĐỘNG ĐỘC-LẬP

CỤ ĐỐC ĐỊNH-TRẠCH (1845 - 1917)

LÔNG DIỀN

Cuộc chính-biến đêm 25 tháng giêng ất-dậu (9-3-1945) là kết quả các cuộc vận-động độc-lập mà biết bao nhiêu nhà chí-sĩ đã phải lao tâm khổ tứ, hy sinh cả thân-thế, cả sự nghiệp, người thì lấy văn bút để gây dân chí: như cụ Tây Hồ, cụ Huấn Quyền v. v.: người thì dùng võ lực để lấy lại tự do như cụ Sào-Nam, cụ Diễn-Bát (Tăng Bạt Hổ) v. v. Mỗi người một chương-trình, mỗi người một phương sách, nhưng cũng cùng một tâm lý, một chí-hướng, là gây nền độc lập cho nước non nhà.

Nay, việc giải phóng đã thực hiện, chắc cả cụ ở dưới suối vàng cũng cả cười mừng đàn hậu-tiến đã thực hành được cái hoài bão của các cụ, vậy không gì hơn lúc này, ta cần nhắc tên các cụ để biểu dương những khí-tiết anh dũng siêu phàm cho dân chúng thêm lòng phấn khởi.

Trong các bực chí sĩ lẫm tụ, như cụ Phan Bội-Châu, cụ Phan Đình-Phùng, cụ Phan Châu Trinh, cụ Nguyễn Quyền, ông Nguyễn Thái-Học, trên báo-chí, trong văn-đàn, nhiều nhà học-giả đã nói đến, duy có một vị rất hăng hái, rất nhiệt thành các cuộc vận động từ cuộc Cần-Vương, Đông Kinh Nghĩa Thục, đến cuộc Đông-du, cuộc nào cũng tham-dự, tổ-chức tán-trợ, mà bình sinh ít sách vở nói tới.

Vị đó là Cụ Đốc Định-Trạch.

Gia thế. — Tên cụ là Đàm Trí-Trạch, người làng Định Trạch, tổng Hào-kiệt, huyện Vũ bản, tỉnh Nam-định, con trai trưởng cụ huyện Đàm Văn Vinh, sinh năm ất-tỵ (1845), mất năm đinh-tỵ (1917), thọ 73 tuổi.

Người thông minh, có chí khí lớn, nho học uyên bác, tính hào-hiệp, lại được nhà giàu, thích kết giao cùng những bậc anh-hùng hiệp-sĩ các nơi. Nhà cụ ở rất rộng, năm toà, bảy lớp, khách ở ứa tập nập, hằng ngày thường có tới 20, 30 người khách được chết đãi. Ngày khi thân mẫu cụ (tức là bà cụ Huyện) mệnh chung, khách kéo tới thăm viếng luôn trong vòng ba tháng mới hết, như vậy đủ thấy cụ giao du rộng rãi là bao.

Những khách thường, hay lâu bằng nương mạc, cụ tiếp ở nhà ngoài; muốn tránh sự đòm hàng của những người hiếu-sự, cụ làm riêng một gian nhà tổng sau vườn, để các bạn đồng-chí hội đàm mưu tính công việc to lớn, vì thế, những công cuộc quốc sự như việc Cần vương, Đông kinh Nghĩa thục và xuất dương đều bàn tính xếp đặt, và tụ họp ở nơi cụ cả.

Việc Cần vương: — Từ năm nhâm ngọ (1882) quân Pháp bức bách Triều đình nhiều khoản, cậy mạnh hiếp yếu không có thực tâm bảo hộ dân nước, lại tỏ ý chiếm đoạt đất đai nên trước chiếm thêm bốn thành ngoài Bắc, sau lại đoạt thu Kinh-thành Huế (năm ất-dậu (1885) Lúc đó mới biết bị lừa, nhân dân xao-xuyến, triều đình rối tung, vua Hàm-Nghi phải xuất bôn, truyền việc cần vương, để mưu khôi phục. Tiếp được tin đó, anh hùng các xứ nổi dậy hưởng ứng Trung kỳ: cụ Phan Đình-Phùng khởi nghĩa ở Hà tĩnh; Hương-Hiện ở Quảng-nam; Cử-Đinh ở Quảng-ngãi; Mai Xuân Thưởng ở Bình-định, Tống Duy-Tân ở Thanh-hóa. Ngoài Bắc, phong trào Cần Vương cũng sôi nổi, nhất là mấy tỉnh Hải dương, Bắc-ninh, Sơn tây, Nam-định, tỉnh nào cũng có một vài người xung bùng, nhưng vì không liên kết được với các đảng trong Trung-kỳ, lại sai giới kém, cho nên không chống nổi quân Pháp. Duy có Hoàng Hoa Thám ở Yên thế chống được 20 năm, Đốc Tít ở Kinh-môn và Nam, và Vũ văn Lợi ở Nam-định ít lâu rồi cũng tan nát!

Đảng Cần vương Nam-định suy

cử cụ làm đốc chiến toán quân Nam-đạo, giao chiến với quân Pháp nhiều lần, sau thế lực kém, nên bị thất bại, Quân Pháp, vì thế, triệt hạ cả làng cụ.

Vì cụ đứng ra làm Đốc chiến nên thường gọi cụ là cụ Đốc Định-trạch, tức là tên làng.

Việc Đông kinh Nghĩa thục : — Lấy võ lực không thu phục được giang sơn, cụ lại liên lạc với các nhà chí sĩ để tìm phương kế mưu đồ việc nước. Khi đó cụ Phan bội Châu mới đỗ Thủ khoa, tiếng hay chữ lẫy lừng nam bắc, chỉ chờ cơ hội để xuất dương, mưu sự. Cụ Tăng Bạt Hổ (hiệu là Điều Bát, người Bình-định chống với quân Pháp, bị thua, trốn ra ngoài, lúc ấy cũng về nước xem tình hình) nghe tiếng cụ Phan, mới biên thư hẹn đến cả nhà cụ Đốc Định-trạch để bàn tính các việc. Cụ Nguyễn Quyền, Huấn-đạo Lạng-sơn và Cụ Nguyễn Thượng Hiền, Đốc-học Nam-định, được tin, cũng về hội họp.

Cuộc hội đàm chỉ có 4 người, luôn ba bốn đêm ngày, cả cụ bàn bạc ở trong nhà kín sau vườn nhà cụ Đốc Định-trạch.

Đối với vấn đề cứu quốc, mỗi cụ một phương sách :

Cụ Phan Bội Châu và cụ Tăng Bạt Hổ, thì chủ trương võ lực, quyết chí Đông du để lấy thế nước ngoài về mưu khôi phục.

Cụ Nguyễn Thượng Hiền cũng tán thành ý ấy, nhưng lúc đó tổn của già chưa lận ra đi ; sau cụ cũng cả trang làm đơn bà sang Tàu và Nhật.

Cụ Huấn Quyền, thì chủ trương lấy sự giáo hóa quốc dân làm phương tiện cần kíp trước nhất để cứu quốc.

Đàm luận xong, người nào theo chương trình người ấy làm việc. Cụ Phan và cụ Tăng thì đứng nhanh ra hải-ngoại ; còn cụ Huấn Quyền thì lên Lạng-sơn xin nghỉ quan, về Hanội cử-hợp đồng-chí, lập trường Đông kinh Nghĩa thục, đặt khẩu mục đích và tôn chỉ như sau :

1) Dạy học lấy quốc văn diễn dịch những thường thức và tư tưởng mới, ban bố cho nhất ban quốc dân.

2) Duy có lớp Trung học và Đại học, thì học thêm chữ Hán và chữ Pháp, còn từ Tiểu học giở xuống bất cứ nam nữ đều học chữ quốc ngữ, chỉ cốt học để làm người, làm dân, chớ không học lối từ-chương, khoa-cử ;

3) Nhà-trường cốt dạy bố-thí không lấy tiền và cho không cả sách vở giấy bút, có ý muốn làm cho sĩ cũng có thể tới học và học được ;

4) Dạy những khoa học thường-thức, công nghệ thường thức cho người ta lấy đó mà mưu sinh tự tồn ;

5) Mỗi tuần lễ có diễn thuyết công khai một lần về những vấn đề giáo dục và khoa học ;

6) Lập một trường làm khuôn mẫu ở Hà-nội, rồi sau sẽ mở dần khắp các xứ các tỉnh, các phủ huyện :

Trường Đông kinh Nghĩa thục, nhận cả lưu học-sinh, và in các sách giáo khoa bằng quốc văn vừa phát không cho học trò, lại phát cho cả thiên hạ, nên nhiều người các nơi đến xin sách, gánh về từng gánh. Mỗi quyển in ra hàng mấy nghìn, nhất là quyển *Quốc dân độc bản* in đi in lại nhiều lần, lần nào cũng in mấy muôn mà vẫn không đủ phát. Nội dung sách tóm tắt rất rõ ràng và thiết thực. Như Lịch sử, Địa-dư, Toán học v.v. thứ nào cũng có sách riêng của nhà trường. Mục đích nhà trường là khởi điểm sự truyền bá những tri-thức phổ-thông trong quần chúng.

Công cuộc nhà trường đang tiến hành, quy mô nhà trường đang vững trải, quốc dân đang tín phục, kẻ quyên tiền, người góp sức, vô số bằng bạc ; cả ông Đề Thám cũng phái người về tận Hanội xin giúp về mặt tài chính.

Vừa được 9 tháng, thì bỗng cụ Huấn Quyền được tin nhà chức trách ra lệnh đóng cửa trường.

Không nản chí, bền cùng các bạn tâm giao, cụ Huấn Quyền lấy ngay tiền còn lại ở nhà trường, hơn muôn bạc, lập ngay ra nhà buôn « Đồng tân hưng » lấy tiền hưng nghiệp - hóa và công nghệ làm mục đích.

Trong khi cụ Huấn Quyền theo đuổi công cuộc học và buôn, cụ Đốc Định-trạch cũng vẫn luôn luôn giao thiệp với những nhà quốc-sự : nhà cụ thường lui, tới, ra, vào, những khách khứ quốc, vì trước khi ra Hải-phòng xuống tàu đi hải-ngoại, bao giờ cũng tụ họp ở nhà cụ để nghe tin-tức và lấy mưu lược.

Cuộc xuất dương : — Sau 3, 4 hôm hội đàm ở nhà cụ Đốc Định-trạch, cụ Huấn Quyền về ngồi quan, mở Đông-kinh Nghĩa thục, như đã kể trên, còn cụ Phan Bội Châu và cụ Tăng Bạt Hổ, liền cũng đi ngoại quốc, đặt cụ định sang Tàu và Nhật, huấn luyện một ít võ quan và nhờ Tàu và Nhật giúp sáng đạn, tàu bỏ để về mưu khôi phục. Nhưng, sau tiếp kiến và hội đàm với mấy nhà tri thức Hoa Nhật, những nhà chính khách lão luyện, như Khuyển Dưỡng-Nghị, Lương Khải-Siêu, Tôn Dật-Tiên, đều khuyên cụ Phan muốn hoàn thành công

(Xem tiếp trang 22)

TỘI ÁC NGƯỜI PHÁP

TRÚC-KHÊ

Con vật hung tàn

Năm 1938, tôi ở Hà-nội một hôm mượn cái xe đạp của người bạn để đi ra phố, vì xe không chuông, không hãm, bị bắt vào sở Cảm Hàng Đậu. Trong khi tôi đứng chờ để khai, thấy một người cảnh sát tây từ ngoài đi vào, dẫn theo một người đàn ông ta chừng 30 tuổi, tay cầm cái rổ, trong rổ đinh đầy những tiết lợn hay tiết trâu tiết bò gì đó, ý chừng người này đi buôn thịt. Không biết vì phạm tội gì mà người này bị bắt dẫn Cảm rồi tên cảnh-sát tây cầm một thanh gỗ mà đánh người ấy rất tàn nhẫn, đến vật vào đầu vào mặt lại vào lưng vào bụng, không những thế, lại nắm lấy cổ mà dập đầu dập mặt vào tường gạch. Người ấy kêu khóc rất thảm thương không vì thế mà đáng được lòng lành của con vật hung ác, tên cảnh-sát tây đứng nghỉ một lát rồi lại kế tiếp đánh, nó không nghĩ gì đến thị dã ai cũng là người. Chẳng biết người đàn ông kia đã làm nên tội gì mà bị nó hành hình như vậy. Thiết tưởng dù có tội gì tòi đã có cả h đem ra tòa án phạt chứ nay phạt tiền, chứ sao nó được đánh người ta như vậy. Tôi nhìn khung cảnh bấy giờ trừ có một tên ấy là tây, còn chung quanh toàn người nam cả, này cảnh-sát, này thư-ký, này những người dân phố đến Cảm khai trình việc riêng. Toàn người nam, nhưng không cứu nổi cho một người đồng bào bị một đứa dã chủng hành hạ tàn ngược. Tôi muốn can thiệp, nhưng không đủ tiếng Pháp để nói với nó, tôi sẽ hỏi một người cảnh-sát ta :

— Tại sao mà người kia bị đánh khổ thế ?

Người cảnh-sát đây nhìn tôi rồi cau-cười giả chờ :

— Hỏi để làm gì ?

Hôm ấy ở sở Cảm Hàng Đậu ra về, lòng tôi tê tái, ngùi đến cái nhục cái thù của nòi giống.

Khí phách của một người Nam

Năm 1943, một người bạn tôi làm thư-ký ở sở Tài-chính Hà nội có thuật chuyện rằng :

Vừa rồi trong sở ấy sẩy ra một chuyện cũng khá thú vị. Một viên thư-ký người nam vì những cái tính nết cứng thẳng không chịu khuất phục mà bị một viên ông tây là người quyền trên trong sở ấy để ý gièt gủa. Người tây này thường hay bới lông tìm vết của viên thư-ký để gắt gưỡi mắng mỏ, viên thư-ký lấy làm nhục, mấy lần toan thôi việc nhưng vì gia đình không có kế gì sống, nên vẫn phải gượng gạo cho qua. Sau đó thấy người tây ấy đối đãi với mình nhiều cách đều rả hơn, viên ấy không thể chịu được nữa, bèn đối lại với hắn một cách quyết liệt. Vì cái nhục của mình viên ấy nghĩ lan cả đến cái nhục của người đồng chủng, bèn viết cho người tây kia một bức thư, kể những nết hà khắc xấu xa của hắn đối với người dưới quyền, một đoạn cuối thư đại ý nói thế này :

« Người Pháp bấy lâu cậy mình là kẻ mạnh, lăng nhục người nước Nam đã nhiều, nhưng đến lúc này, tưởng người Pháp không nên thế nữa. Lúc này nước Pháp cũng làm vào cái cảnh bị một kẻ mạnh khác lấn hiếp người Pháp lấy thế làm khổ bao nhiêu thì đáng thế nên thương những người ở trong cảnh ấy bấy nhiêu. Nhất là Thống-chế bấy nay vẫn hô hào người Pháp người Nam nên cùng nhau đoàn kết một cách chặt chẽ để mưu đồ sự phục hưng cho Tổ quốc. Đáng nhẽ trong lúc nà, ngoài cái thì giờ làm công việc bổn phận, ông nên để tâm lo nghĩ về cái vận mệnh Tổ quốc để tương lai. Nhưng ông không thế, ông lại đem cái thì giờ ấy để làm cái việc bới lông tìm vết mà hạch xách những người dưới quyền. Thiết tưởng những người Pháp như thế, thật là có tội với Thống-chế, mà cũng là có tội với nước Pháp. »

Người tây được thư này, như một con thú bị một phát tên trúng vào tim, tức điên lên, bèn đem bức thư trình với viên Giám-đốc sở ấy tỉnh cầu bãi cách của viên Thư-ký và đem ra nghỉ xử một cách nghiêm ngặt. Viên Giám-đốc bèn đòi viên Thư-ký vào buồng giấy riêng nghiêm trách về bức thư ấy và cho được làm một tờ giấy biện bạch về thái độ của mình. Viên Thư-ký lại thảo một tập giấy dầy nữa, vẫn cái ý trước nhưng nói thống thiết hơn, tỏ ý mình không hối hận gì việc viết bức thư trước, và nói :

« Nhà tôi nghèo, trong nhà có một vợ mấy con, tôi thôi ở đây ra, chưa biết lấy gì làm kế sống, nhưng tôi cũng không muốn cầu xin các ông thương lại để tôi lại ngồi trên một chiếc ghế sở Tài-chính này nữa. »

Rồi đó người Pháp muốn đắp kín việc này đi; chỉ bãi chức viên thư ký chứ cũng không đem kết tội.

Chính sách thu thóc của người Pháp

Chính sách thu thóc của người Pháp thật là tàn ngược hết chỗ nói khiến cho nông dân không còn có lối nào mà sống, vùng tôi vì sự thu thóc ấy mà không biết bao người mất nhà ở hoặc mất ruộng cấy.

Hạng dân vô-sản, thước ruộng không có, quanh năm sống bằng nghề đi làm điền phủ, tuy nhiên họ cũng thường thuê dăm sào một mẫu ruộng công của hàng phe hàng xóm để cấy. Số thóc gặt về, phần thì bán đi để gả nợ và may mặc, phần thì ăn từ tháng 11, qua cái tết cho đến đầu xuân là khoảng đồng ruộng ít việc, không có người gọi đi làm mướn, vì thế mà đã hết sạch. Tuy họ cũng biết rằng cái khoản «thóc tây» không thể chuội được, nhưng chẳng biết bao giờ mới thu sẵn đấy lấy cứ đem ăn giã mà ăn. Thóc đã hết, họ đã bắt đầu phải ăn đong chợt cái lệnh thu thóc ban xuống, Lý phó trưởng sai tuần đi thúc thóc như là đòi lửa. Mỗi sào phải nộp thóc 8 cân, mỗi cân họ đi mua mất 4 đồng rưỡi để đem bán cho chính phủ lấy 2 hào rưỡi. Dù vậy họ không bán không được. Như thế là nếu họ cấy một mẫu họ sẽ phải chạy một khoản tiền đong thóc bán cho chính phủ mất 4 trăm rưỡi đồng. Họ là dân không có đến sản, còn làm thế nào để khỏi phải bán cửa bán nhà để lo cho xong khoản tiền ấy?

Trên hạng ấy là hạng có được dăm sào một mẫu ruộng tư. Hạng này đến kỳ nộp thóc không phải bán nhà nhưng mà phải bán ruộng.

Lại có hạng nhà có nhiều ruộng nhưng không tự cấy lấy mà đem bán trương. Mùa tạ năm trước, bán trương mỗi sào hưởng vụ được từ 15 đến 20 đồng, thuế và thóc do mình phải ra mùa xuân năm sau đóng thóc để bán cho chính phủ mỗi sào mất 45 đồng. Như vậy nếu không có của sức tích thì tài nào mà khỏi bán ruộng. Nhưng họ bán ruộng cũng phải, vì sống dưới một cái chính phủ là ngược như thế thì có ruộng thật cũng là một cái tai ương.

Rút lại thì dù người có ruộng hay không, dân Việt-nam trong mấy năm nay, đã bị giặc Pháp đẽo đến xương mà hút đến tủy, để đến bây giờ đói khát chết chóc, chưa có phương thuốc gì cứu vãn lại được.

Một hôm tôi ngồi nhàn giở bộ kinh thi ra xem đọc đến thơ «thạc thử», nhân nghĩ đến việc thu thóc của người Pháp, bất giác phải đặt quyển xuống mà chau mày nghiến răng.

Việc giết Ba-gianh

Ba gianh (Bazin) là một người Pháp khoảng năm 1928 - 1929 đứng chủ sở mộ phu Bắc-kỳ để đem đi Nam-kỳ và Tân-đảo làm tại các đồn-điền Cao-xu. Thân phận của những người phu đồn-điền Cao-xu thảm hại thế nào, người ta đã biết rõ rồi, nên số phu mộ đi không được như ý muốn của bọn thực dân, chỉ trừ những người nghèo khổ quá, ở nhà cũng chết về đói rét, nên đành phải đi để bán mình làm thân nô lệ ở các đồn điền vậy. Vì phu mộ khó nên Ba-gianh cùng đồ-đệ dùng đến là thuật để bắt biếp. Chúng đến những đám đông người, nhìn xem người nào khỏe mạnh, đàn ông hay đàn bà vẫy đến gọi thả thuốc mê vào cho tinh-thần người ấy tê liệt rồi dắt rủ về sở ép ký vào giấy tình nguyện đi phu! Đến khi tinh thần đã tỉnh lại thì giấy trót ký rồi, không đi sẽ bị pháp luật truy bức. Bởi thế mà có những gia đình tan nát vì người trụ trách ở gia đình bị bắt đi phu. Người đi ra ngoài đồn nơm nớp lo sợ, chỉ e mắc vào lưới bẫy hung độc của sở mộ, người dân-lao động đều phải sống trong sự hồi hộp kinh khiếp. Muốn ngăn trừ nỗi nguy khốn, Việt-Nam Quốc-Dân đảng phải uỷ bạn ám sát giết chết Ba-gianh. Vụ án ấy sảy ra tại phố chợ Hôm Hà-nội ngày tháng 2 năm 1929, Việt-Nam Quốc-dân đảng bị vỡ lở kể từ đấy. Tuy nhiên, Hội-đồng đề hình của người Pháp bấy giờ do ông Bích (Bride) làm chủ-tịch cũng không tìm ra được chứng cớ để buộc đảng đã làm việc ấy, vì thế cái chết của Ba-gianh có thể gọi là thối mạng.

(Xem tiếp trang 24)

VẬN-ĐỘNG ĐỘC-LẬP

(Tiếp theo trang 19)

nghiệp kiến quốc sau này, tất phải tìm một bực vương bầu có tài có đức, suy tôn làm minh chủ, để thu phục nhân tâm, và hiệu triệu thiên hạ, và một mặt gây lấy lực lượng cho quốc gia là phải thu thập nhiều thanh niên cho đi du học, để đào tạo nhân tài, hòng sau này ủy dụng; và lại còn phải luôn luôn cổ động quyên các nhà triệu-phú trong nước để sức giúp đỡ về phương diện tài chính, như thế, mới mong mưu đồ đại sự được.

Cụ Phan, tỉnh ngộ, thấy công cuộc bước đầu còn non nớt quá, mới quay về nước, một mặt họp thêm đồng-chí để giúp về tài-chính mộ thêm thanh niên để du học, một mặt mưu tính việc đem Kỳ ngoại-hầu Cường Để ra ngoài.

Trước khi xuất dương, lại lấy nhà cụ Đốc Định-trạch làm nơi tụ họp. Theo chỗ tìm hỏi của tôi, thì ông Cường-Để khi trú ở nhà cụ Đốc Định-trạch, có cả mấy người đàn bà, không rõ vợ hay là con, nhưng, khi ra Hải-phòng xuống tàu thì chỉ có 5 người đàn ông (cụ Phan Bội-Châu, Phan Chu Trinh, Tăng-Bạt Hổ, Nguyễn Đền và Cường-Để).

Cuộc đi hôm đó, gặp một chuyện rất hay, vậy xin kể luôn ra đây để biểu dương cái khí-tiết một nhà anh hùng vô danh, mà có lẽ đồng bào ta cũng ít người được biết.

Bởi đó, vào năm 1905, 1906 việc đi lại cũng chưa đến nỗi khó khăn như mới gần đây, nên một buổi chiều ở Haiphòng, 5 vị khách Ký-hương giả dạng Ngô người Trung-quốc, xuống tàu « Ai-Vu » (của người Pháp) đi Hương-cảng.

Trong bọn 5 vị cách-mệnh, duy có cụ Tăng Bạt-Hổ đã từng qua Nhật, quả Xiêm, nói được tiếng Tàu, còn 4 vị kia đều không biết, nên 5 người muốn cho thiên hạ khỏi ngờ, cứ im lặng không hề dám nói nửa lời, chỉ lấy mắt nhìu nhau cười thầm và luôn luôn hồi-hộp. Mãi đến khuya, mọi người đều ngủ, mới dám thì-thầm với nhau vài câu chuyện kín Thanh linh, bỗng một người trạc độ 30 tuổi, trán rộng, mặt gầy, hai mắt lồng lanh, khoác một cái áo dầu bếp màu xanh, tiến đến cạnh 5 người vừa cười vừa khẽ nói :

— « Tôi chắc các ông không phải người Tàu, và cũng không phải người lầm thường tôi đã để ý theo các ông từ lúc các ông xuống tàu »

Năm vị hành khách, hết hồn, nín thít không dám đáp nửa tiếng, vì sợ nhỡ gặp phải những tay « mặt ngoài đạo chích » thì cái mộng quang phục Việt-nam tất đến tan rã; mà cái thân bôn ba cứu quốc tất đến vào lao, ông đầu bếp, thấy thế, ra ý bực tức, lại nói :

— Ấy các ông đừng ngại thằng Lý-Tuệ không làm được việc chi đâu!

Lúc đó cụ Cường-Để nhìn cụ Phan Bội Châu ra ý lo sợ, cụ Phan Chu Trinh thì cứ bấm vào đùi Tăng Bạt Hổ Nguyễn Đền mà lấy mắt ra hiệu, có ý bảo nên bình tĩnh. Cụ Phan Bội Châu thấy cử chỉ ông Lý-Tuệ thành thật ngỡ hết tâm can, ông Lý-Tuệ (chính tên là Nguyễn hữu-Tuệ ở Nam-định) liền cáo từ. Đến khi tàu tới bến Cảng, ông Lý-Tuệ lo lắng săn-sóc cho 5 người ăn ở tại khách-sạn Thái lai rồi đến nửa đêm, đến nhà trọ tiếp chuyện và xin đảm nhận việc đưa người trong nước xuất dương. Từ đó, luôn 10 năm giời, công việc nặng nề ngày biểm ấy, ông Lý-Tuệ cáng đáng một cách đắc lực. Cụ Phan Chu Trinh về nước, cũng nhờ tay ông, và hàng nghìn vị cách mệnh, ái quốc đi về cùng thư tín vãng lai, trông ngoài liên lạc đều do lòng hào hiệp, chí khôn ngoan của ông sắp-đặt cả. Ông lại bỏ tiền riêng thuê một gian phà gần bên Tầu để làm chỗ trú cho các tay xuất ngoại. Vì thế cho nên, các nhà ái quốc muốn ra ngoài để học hay vận động đều tụ tập ở nhà ông Lý Tuệ rất nhiều. Lương đầu bếp có là bao, mà lại còn đã đằng các đồng chí tấp nập có một hôm cụ Phan Bội Châu muốn giúp ông ít nhiều tiền chi dụng, ông thét lớn : « Các ông lại nghĩ thằng Lý-Tuệ là thằng hư à ».

Cái tiết-tháo và lòng nghĩa hiệp của vị anh hùng trong bóng tối đó suốt 10 năm trời ai là người giằng hồ bái ngoại, đều thán phục. Đến sau việc ông làm vỡ lở, nhà chức trách bắt ông, dọa nạt, dỗ dành để ông chỉ điểm những việc bí mật và những nhà lãnh tụ, ông đều từ chối khăng khăng chịu tội chứ không khai. Sau chính ông Toàn-quyền Albert Sarraut thân đỗ ông rằng

— « Nếu anh chỉ bảy cách để bắt Cường Để và Phan Bội-Châu thì Chính phủ thưởng cho 3000$ bạc và bổ ngay chức Tri-huyện ».

Ông Đầu bếp ngeo ấy vẫn dửng-dừng, từ chối cả danh lẫn lợi, lại vui lòng sung-sướng lĩnh cái án 7 năm đày. Sau hết hạn đày, ông về quê nhà ở Nam-định, nơi mồ mả cụ Phan Bội-Châu đó phúng một đôi câu đối để khắc vào bia mộ

Sống với giang san, chết với giang san, trong đám than tro, vàng mới qui ;

Buồn vì chủng tộc, vui vì chủng tộc, trước hồn thần thánh, phách càng linh.

Trong các cuộc vận động, cụ Đỗ Đình-Thạch đều có tham gia, tổ chức, giúp đỡ ngay khi cụ Phan và cụ Cường-Để trú tại nhà cụ, lúc từ-biệt ra Hải-phòng, xuống tàu để xuất dương cụ Cường-Để có tặng cụ hai cái nghiên bằng đá làm kỷ-niệm ; hiện nay con cháu còn giữ.

Lúc về già — Đùng lấy thành bại luận anh-hùng Lúc triều tráng) cụ tham gia vào các cuộc vận động nền độc lập tuy chưa được toại chí với thiên hạ, nhưng khí tiết của cụ vẫn rực rỡ trong làng văn-thân ; đến khi quá luổi về giải cụ lại đem tài ba tiền thi ở hương thôn ; nào sửa sang việc làng, nào rèn luyện dân khí, lập-kho, nghĩa xương chứa thóc, để đến kỳ xưu thuế giúp đỡ cho dân nghèo: vì thế dân làng cảm ơn, đúc tượng truyền thần dựng bia kỷ-niệm để ghi công ân cụ.

Cụ có soạn đôi câu đối để hai bên lượng :

Bình sinh trượng trung tín ;
Di lượng túc thanh cao.

Dịch

Bình sinh vẫn giữ nền trung tín ;
Di lượng, như ấy vẻ thanh cao.

(Triệu Nam hồng dịch)

Bài minh đỡ ở tượng cụ :

Định trách đàm công thạch tượng minh
Đàm công hữu hà trạng
Định hương đa cảm linh !
Độc giả nhất phiến thạch,
Di kỷ công sinh bình
Hình tại thần như tại,
Nhân danh địa dĩ danh,
Văn chương thiên cổ sự,
Tịnh thọ cửu dân trinh.

(Cử nhân Vũ Lương Qui soạn)

Dịch

Ông trước có di trạch,
Dân nay còn cảm tình
Tạm lấy tấm trinh thạch,
Để ghi truyện sinh bình,
Hình còn thần bao mất,
Người hay đất nổi danh,
Nghìn năm còn bia miệng,
Gọi là mày lời minh.

(Triệu Nam hồng dịch)

Trong nhà cụ các bằng hữu tặng câu đối rất nhiều được mấy câu, để tỏ rõ cái chí sinh bình của cụ.

Ông Tôn Nhật Phong hiệu là Ngọc-điền có câu :

Cổ trúc phong thanh kim thượng tại ;
Sài tang tâm sự lạc hà phi,

Dịch

Phong thanh Cổ-trúc nay còn đó ;
Tâm sự Sài tàng trước khác gì

(Triệu Nam hồng dịch)

Lại ông Trần văn Quỳnh, Hình bộ lang trung có câu :

Tiết hạnh thế vi tư thổ mỹ
Phong thanh nhân khởi thập niên gian

Tiết-hạnh vang lừng trong đất rước
Tiếng tăm sôi nổi mấy năm trời

(Triệu Nam hồng dịch)

Hồi cụ 62 tuổi, còn mẹ già 80, trong gia đình gái trai toại nguyện, con cháu đầy đàn, hàng năm cứ đến đầu xuân lại mở tiệc bái nhiên cụ Thân mẫu ông Tú tài Nguyễn Văn Trinh, người làng Di-sử, huyện Mỹ lộc Nam định có câu đối :

Trung nghĩa gia phong côi linh bắc
Hiếu từ môn địa vị giang nam

Dịch

Non côi xây vững nền trung nghĩa ;
Sông vị thơm luôn của hiếu từ.

(Triệu Nam hồng dịch)

Lại khi bà cụ Huyện mất, ông Nghè Nguyễn văn Tĩnh người xã Cựu-thảo cùng huyện có câu đối viếng :

Tiệt phất phương hình thành thị tử :
Hàm di vãn phúc cập tăng tôn.

Dịch

Cắt tóc dạy con nhà có phép ;
Ngậm đường món chắt cảnh chưa gia.

(Triệu Nam hồng dịch).

Năm Bính thìn (1916) gặp tiết tân quang đại lễ đức Khải định quan tỉnh dâng sớ kể công trạng liệt thảo của cụ. Triều đình sắc phong cho cụ Hàn lâm viện thị độc học sĩ ; đến năm đinh tỵ (1917) cụ mất thọ 73 tuổi, thật là :

Nếp đất bao phai gương nghĩa hiệp,
Đèn giời soi thấu tấm trung cang

(Trác Hiên)

LONG DIỄN

(Tài liệu trích ở Lịch sử địa dư từ điển và Hồi thuật của con cháu nhà chú sĩ)

---

1) Cổ trúc Di, Tề con vua Cổ trúc, ẩn ở núi Thủ-dương.

2) Sài tang đều nói đời Tấn, ông Đào-Tiềm ẩn ở đây

Tội ác người Pháp

(Tiếp theo trang 21)

Độc quyền rượu

Người Pháp đặt ra độc quyền rượu của hãng Phong-ten thật là một cách giết dân Việt-nam rất khốc liệt. Rượu ấy chế bằng chất độc, người uống rất hại cho thân thể, sinh ra trẻ con hay đau ốm và dễ chết chóc. Đã thế mà người Nam muốn tự chế lấy rượu ngon lành để uống lại không thể được, vì hãng Phong-ten đã chiếm độc quyền. Tuy vậy, hạng người muốn giữ gìn sức khỏe, muốn được uống thứ rượu ngon lành của tổ truyền, thì vẫn không chịu uống rượu Phong-ten mà chỉ uống thứ rượu của dân gian nấu vụng gọi là rượu lậu hay là rượu ngang. Rượu lậu vì thế không lúc nào hết người nấu mà cái nạn nhà Đoan bắt rượu lậu càng làm khổ dân gian nhiều lắm. Nhiều người có vườn có ruộng, dù vườn ruộng ấy cách xa nhà ở hàng bao nhiêu cây số cũng mặc, phải chịu trách nhiệm khi nhà Đoan bắt được cơm rượu ở trên vườn ruộng ấy. Cố nhiên những người nấu rượu không bao giờ lại giấu cơm rượu ở vườn ruộng nhà mình, vì thế các cuộc bắt bớ rượu lậu, hầu hết là bắt oan, nhà Đoan không kể gì đến cái oan ấy cứ việc thẳng tay mà phạt tù, phạt bạc, làm cho nhiều nhà dân phải khốn đốn cực khổ.

Rút trong tập "Ngô sơn tuỳ bút"

TRÚC-KHÊ

Các số đặc san đã ra

1941	số	17	Trần hưng Đạo	
1942	»	34	Xuân Nhâm Ngọ	(hết)
	»	38	Hai Bà Trưng	(hết)
	»	41	Đinh tiên Hoàng	(hết)
	»	50	Triều Gia Long	(hết)
	»	63	Nguyễn Du	(hết)
	»	65	Lê Thái Tổ	(hết)
1943	»	81-82	Xuân Quý Mùi	
	»	112	Văn học phụ nữ (tập I)	(hết)
	»	113	— id — (» II)	(hết)
	»	119	Thanh niên (» I)	(hết)
	»	120	— id — (» II)	(hết)
1944	»	126 127	Xuân Giáp thân	(hết)
	»	133	Thi ca Việt Nam (» I)	
	»	134	— id — (» II)	
	»	135	— id — (» III)	
	»	147	Tục ngữ phong dao (tập I)	(hết)
	»	148	— id — (» II)	(hết)
	»	161	Thu (1944) — (tập I)	
	»	160	— id — (» II)	
1945	»	175-178	Xuân Ất Dậu	(hết)
	»	179	Số đầu Xuân	
	»	185-186	Việt-nam giải phóng	

CÁC ĐẶC SAN CỦA TRI TÂN ĐƯỢC HẾT THAY ĐỘC GIẢ HOÀN NGHÊNH — SẼ RA NHIỀU ĐẶC SAN KHÁC —

THANH NIÊN TRƯỚC CUỘC
GIẢI PHÓNG CỦA ĐẤT NƯỚC

Đã hơn sáu mươi năm nay, trên dải đất này ủ rũ bao phủ một màu tang !

Ba mươi triệu dân Nam-Việt đã từng sống những ngày âm thầm buồn tủi. Hết thảy mọi người hậm hực ôm một mối căm hờn trong trái tim khao khát trả thù chung.

Đối với tấm lòng thiết tha gần nước thương nòi của con cháu Lạc-Vương, giặc Pháp đã luôn luôn đáp lại bằng tiếng nổ của súng, đạn để thẳng tay đàn áp mà tự do hút máu mỡ của dân dân mất nước.

Nghĩ tới bờ cõi bị kẻ cường quyền giày xéo và đạp đổ, phần đông đồng bào ta luôn luôn khinh thường những sự khẳng bỏ mà nỗ lực chiến đấu trong bóng tối để mong giải phóng cho xứ sở.

Là người Việt Nam, ai người không nghĩ tới chiến công canh liệt của Hai Bà Trưng, 40 năm trước Dương-lịch đã từng đánh đuổi quân Tô, việc Ngô-Quyền đã đại phá quân Nam Hán (939) ; với Lê-đại-Hành (981) đã làm tan tác giặc Tống ở Chi-Lăng !

Ai người quên được các bậc đại anh hùng như Lý-thường-Kiệt đã xua đuổi quân Tàu ra ngoài bờ cõi (1076), Trần-hưng Đạo đã quét sạch quân Nguyên sau 6 năm huyết chiến (1288), Lê Lợi đã cả phá quân Minh (1428) sau 10 năm phấn đấu và Nguyễn-Huệ đã oai hùng xua đuổi chém giết quân Thanh (1778) để tránh cho đồng bào thoát vòng nô lệ !

Là thanh niên của đất nước, chúng ta, con cháu những vị anh hùng ấy, trước cuộc đô hộ của giặc Pháp, ai là chả thấy cảnh nước mất nhà tan mà không máu nóng trong tim, một lòng mong xua đuổi kẻ thù ra khỏi nước ?

Trước bàn thờ của Tổ quốc, trước anh hồn của các bậc vĩ nhân, phần đông thanh niên chúng ta trong ngày giỗ Tổ đã từng đắng Kinh cầu nguyện :

« Trời mây u ám, gió cuốn tả tơi hoa cỏ.
Thời xưa lưu dấu âm vang nỉ-non trong gió.
Người xưa đâu tá ? Có khóc những đêm lạnh lẽo ?
Người xưa đâu tá ? Có khóc những khi trời chiều ?
Tưởng như tới bao khi, ai kia cưỡi sóng Bạch-Đằng hùng dũng !
Tưởng như tới bao khi, ai kia xua quân giặc Chàm miền trung.
Người nay đâu tá ? Có biết hồn công đền lửa ?
Nào ai nghe đến những tiếng nước non đâu nữa ?
Nào ai đang ngủ mê mạn trên đường lợi danh ?
Nào ai đang ngủ say sưa trong lạc quên mình ?
Chờ dậy cả thảy ! Quyết chí phấn đấu thi gan hùng nhi cùng ai
Bừng mắt sáng ! Hãy ngó thế giới, xem gương dạy lần người tài !
Rồng Nam nổi lên trợ giống nòi !
Người Nam anh dũng ! Noi đến tấm gương kẻ xưa chớ để thiệt thòi.
Người xưa đâu tá ! Hãy giúp thiên niên dũng cảm !
Người xưa đâu tá ! Hãy giúp tấm lòng can đảm !
Người xưa đâu tá ! Hãy nổi Gió, Mưa, Lửa, Sóng !
Người xưa đâu tá ! Hãy giúp cho đàn Lạc-Hồng !

(Lưu-h-Phước-Mai-Lưu)

***

Ngày nay hồn giọt mán đào với người hiệp khách đất Phù tang, chúng ta đã thoát vòng nô lệ ! Xiềng xích gông cùm đồng bào chúng ta trong bao năm nay đã được chặt phá. Sông núi đất Việt đã quang về với cỗ chủ mà chào đón một kỷ nguyên mới của lịch sử.

Nay giờ tươi đẹp đã đến. Đám mây u ám che phủ núi sông cây cỏ không còn nữa. Đang trước cảnh trời quang mây tạnh, thanh niên Nam-Việt đã thấy lòng tưng bừng hăng hái, chứa chan sinh lực để góp sức cùng mọi người cùng cố nền độc-lập hoàn toàn của đất nước mà cùng nhau lên tiếng gọi :

« Này anh em ơi ! Quốc gia đến ngày giải phóng
« Đồng lòng cùng đi, hy sinh lửa gì thân sống
« Vì tương lai quốc dân, hăng xông pha khói lửa
« Làm sao cho nước sông, lũ nay luôn vững bền
« Dù cho phơi thây trên gươm giáo
« Thù nước lãng mãn đào đem báo
« Nòi giống lúc biến phải cần giải ngay
« Đoàn thanh niên ta cố rèn tâm chí
« Hùng hăng, quyết chiến đấu làm sao khắp nơi
« Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời
« Thanh niên ơi ! Mau hiến thân dưới cờ
« Thanh niên ơi ! Mau làm cho cõi bờ
« Thoát cơn lầm phá, rẽ mang đời sống
« Xứng danh nghìn năm giòng giống Lạc-Hồng ».

(Tiếng gọi Thanh niên)

***

Quả thật không lúc nào bằng lúc này tâm hồn thanh niên được sống những ngày giải-phóng vì mọi người đều rõ giờ phút đây không phải là giờ phút thanh niên để trí lòng mình giam hãm trong tình yêu nhỏ hẹp mà thờ ơ với vận mệnh đất nước.

Đoàn kết để gây một lực lượng chiến đấu cho nền độc-lập hoàn toàn, đó là khẩu hiệu của toàn thể thanh niên.

Lãnh đạm là đắc tội !
Nghỉ ngờ là phá hoại !
Chia rẽ là phản bội !

PHẠM-MẠNH-PHAN

Thơ và câu đối...

(Tiếp theo trang 14)

Dịch

Rắn-rỏi thay, riêng ôm tiết đẳng!
ông cũng hết lòng thôi: phải quấy trong Trào cứ bàn luận

Thẹn-thùng bấy, không nói chuyện chi! ai đã chết được nhỉ? xưa nay việc nước rất khó-khăn!

***

身徇孤城濃嶺千秋銘素節
志殲仇勇珥河片月白丹心

Dịch âm

Thân tuẫn cô thành, Nùng-lĩnh thiên thu minh tố tiết.
Chí tiêm cừu lỗ, Nhị-hà phiến nguyệt bạch đan tâm.

Dịch

Chết với thành côi, nghìn thủa non Nùng ghi tiết sạch
Chí trừ giặc dữ, mảnh trăng sông Nhị tỏ lòng son.

***

物望海雲遥范協辭赴書繆去臘
忠魂竜壯在阮相公遺廟示斯城

Vật vọng Hải vân dao, Phạm hiệp biên (?) phó thư tài khứ lạp.
Trung hồn Long dỗ tại, Nguyễn tướng công (1) di miếu diệc tư thành.

Dịch

Ải Hải - vân, tiếng cả xa xăm, Phạm Hiệp biện (?) đưa thư cuối năm ngoái.
Thành Thăng-long, hồn trung bàng bạc, Nguyễn tướng-công (1) có miếu ở thành này.

***

昔無虞而倉卒今有備而艱危兩番軍旅
情形全把長江嗟十載
城既失而仍存公一亡而不復片念英雄
發用尚憑青史問千年

Tích vô ngu nhi khẳng thốt, kim hữu bị nhi gian nguy lưỡng phiên quân lữ tình hình, toàn bả trường giang ta thập tải,
Thành ký thất nhi nhưng tồn, công nhất vong nhi bất phục, phiến niệm anh hùng phát dụng, thượng bằng thanh sử vấn thiên niên...

Dịch

Xưa không ngừa mà bối rối, nay phòng bị mà gian nguy, tình-hình quân lữ hai phen, phó mặc nước sông xuôi, mười năm buồn nhỉ!
Thành đã mất mà lại còn, ông chết đi mà chẳng dậy, thi-thố anh hùng một dạ, rồi ra ngòi sử chép, nghìn thuở sao đây?

***

賦政多年吾北士民皆見慕
背城此戰全圻事勢最攸關

Dịch âm

Phú chính đà niên, ngô Bắc sĩ dân giai kiến mộ.
Bội thành thử chiến, toàn kỳ sự thế tối du quan.

Dịch

Chính sự bao năm, dân sĩ Bắc-hà đều trìu mến.
Chiến tranh một trận, tình hình toàn hạt bỗng xoay vần.

***

倉卒臨机城上孤軍懷正氣
從容就義珥潤終古照丹心

Thảng thốt lâm cơ, thành thượng cô quân hoài chính khí.
Thung dung tựu nghĩa, Nại mi chung cổ chiếu đan tâm.

Dịch:

Gấp rút lâm cơ, thành Bắc quân côi ôm khí chính.
Ung dung tới nghĩa, bến Hồng đời thủa rọi lòng son,

***

事到千萬難終始一心銘鉄石
節見從容易孝忠全局繫江山

Sự đáo thiên vạn nan, chung thủy nhất tâm minh thiết thạch.
Tiết kiến thung dung dị, hiếu trung toàn cục hệ giang sơn

Dịch

Công việc khó muôn vàn, sau trước tạc ghi lòng sắt đá.
Ung dung treo tiết tháo, hiếu trung vẹn vẽ gánh non sông.

***

朝廷深念安民計
臣子惟懷報國心

Triều đình thâm niệm an dân kế,
Thần tử duy hoài báo quốc tâm.

Dịch

Tôi con riêng nặng lòng trung nước,
Lang miếu sâu lo chước vỗ dân.

***

遺恨尚多流珥水
毅魂未肯過雲開

Di hận thượng đa lưu Nhĩ thủy,
Nghị hồn vị khẳng quá Vân quan

Dịch

Hận sót dài theo sông Nhĩ chảy,
Hồn thiêng đâu chịu ải Vân qua.

***

一死忠懸天日月
千秋氣作地山河

Nhất tử trung huyền thiên nhật nguyệt
Thiên thu khí tác địa-sơn hà

Dịch

Một chết trung treo cao nhật nguyệt,
Nghìn thu khí tỏa khắp sơn hà.

***

廟堂慮以萬全好舉有好机會
相公毅然一戰此心對此江山

Miếu đường lự dĩ vạn toàn : hảo cử hữu hảo cơ hội.
Tướng công nghị nhiên nhất chiến : thử tâm đối thử giang san.

Dịch

Triều đình lo chước vạn toàn : việc tốt chờ cơ hội tốt.
Tướng công liều đánh một trận : lòng này với núi sông này.

***

人亡而城存十載山河開一戰
事久則論定千秋星日誕孤忠

Nhân vong nhi thành tồn, thập tải sơn hà quan nhất chiến.
Sự cửu tắc luận định, thiên thu tinh nhật dẫn cô trung.

Dịch

Người mất nhưng thành còn, sông núi mười năm do một trận đánh.
Việc lâu thì luận định, trăng sao nghìn thủa rọi tấm trung côi.

***

不亡者存龍壯城自古
有知咸惜壯烈伯而今

Bất vong giả tồn, Long dỗ thành tự cổ.
Hữu tri hàm tích, Tráng-liệt bá (2) nhi kim.

Dịch

Không mất được đâu : ấy Thăng-long thành tự thủa trước.
Ai biết cũng tiếc : từ Tráng-liệt bá (2) đến ông nay.

***

豪氣欲吞牛蒿蓬直將英水洗
忠魂寧許國浪湖分付珥江流

Hào khí dục thôn Ngưu, Cảo-lạc (?) trực tương Anh-thủy (?) tẩy.
Trung hồn ninh hứa quốc, Lãng-hồ phân phó Nhĩ giang lưu

Dịch

Khí hào ngất sao Ngâu, Cảo-lạc (?) với gỏng Anh (?) rửa sạch.
Hồn trung đâng nước tổ, Lãng-hồ cùng sông Nhĩ buông xuôi.

***

君能不苟生可無論十年前壯烈
我亦長太息如之何六册此江山

Quân năng bất cẩu sinh, khả vô nhượng thập niên tiền Tráng-liệt (2).
Ngã dục trường thái tức ! như chi hà lục châu thử giang sơn ?

Dịch

Bác có chịu sống dục đâu ! kém gì ông Tráng-liệt (2) mười năm trước.
Tôi cũng đành thở dài vậy ! tính sao dải non sông sáu châu này ?

***

何處風雲起珥濱孤城自守抱孤忠
三軍借問誰聲援一戰那爭衆力同
独是死生性義命雖然成敗值英雄
算來幾得儒倘輩一繫綱常武廟中

Hà xứ phong vân khởi Nhĩ tân, Cô thành tự thủ bão cô trung !
Tam quân tả vấn thùy thanh-viện ?
Nhất chiến na tranh chúng lực đồng.
Độc tại tử sinh duy nghĩa mệnh,
Tuy nhiên thành bại tẫn anh-hùng.
Toán lai kỷ đắc nho trù bối
Nhất hộ cương-thường Võ-miếu trung ?

Dịch

Sóng gió từ đâu nổi Nhĩ, Nùng ?
Thành côi cố giữ, gửi gan trung.
Ba quân mớm hỏi ai người giúp ?
Một trận khôn tranh sức-vóc cùng !
Sống thác chỉ liều theo nghĩa-mệnh,
Nên hư cũng kể thảy anh-hùng.
Giây treo Võ-miếu, cương-thường nặng :
Mấy mặt làng nho được thế không ?

H. B.

(1) Trỏ Nguyễn Tri-Phương thờ ở miếu Trung-liệt.

(2) Tước phong của Nguyễn Tri Phương

Những cuộc cách-mệnh...

(Tiếp theo trang 17)

***

Việc Đề Thám từ 1885-1913

Đáp theo tiếng gọi cần vương, Hoàng Hoa-Thám, sau cọ Đề Thám hay Đề Dương (1), nổi lên bài Pháp từ năm 1885.

Ban đầu, 1885-1888, Hoàng hoạt động ở làng Chũng làng Các và ở huyện lỵ Yên-lũng (nay là Việt-yên, Bắc-giang).

Lấy giờ Hoàng đã có một lực lượng đáng kể.

Trận đầu, Hoàng đánh với thống tướng Godin và đại-tá Godard.

Năm 1890, Hoàng ẩn hiện ở các khu rừng Yên-thế, đắp đồn lập lũy ở vùng Hữu-thượng.

Mấy lần vào những ngày 9, 11 và 22 tháng chạp 1890, Hoàng đánh thắng được bọn trung-tá Xinckel Mayer, thiếu-tá Tane và đại úy Plessier.

Khoảng năm 1891 — 1892, Hoàng chống nhau với Voyron là một thống tướng Pháp rất lợi hại.

Hoàng rất có tài hành binh. Ban ngày cho quân ẩn trong hang đá hay trong hầm đào dưới đất, ban đêm lại kéo ra đánh phá đồn trại bên địch hoặc « làm » lương thực cho quân gia. Vì thế, từ năm 1893 đến 1894, người Pháp phải bao phen nhọc nhằn mà không làm gì được.

Ngày 18 tháng năm, 1894, người Pháp sai Bá Phức, một tướng đã đầu hàng, lấy tư-cách là nghĩa phụ của Hoàng, vào tận trại quân Yên-thế để dụ Hoàng, Hoàng bèn tương kế tựu kế, chẳng những không mắc mưu gian của bá Phức, mà lại đánh thắng một trận lớn vào ngày hôm sau (19-5-1894).

Những cuộc bắt cóc Chesnay, chủ nhậm tờ *Avenir du Tonkin* và Logiou, bình-bút báo ấy (17-9-1894), và Voisin trên đường Thái-nguyên (5-7-1909) luôn với những vụ ám sát hai người cảnh-sát Tây và một viên chức nha Thương-chính ở tỉnh Bắc-ninh (tháng tư 1895) đều do đảng phái Hoàng tướng quân gây nên cả.

« Binh bất yếm trá », Hoàng đã ứng dụng câu ấy trong nhiều lần trá hàng (một lần vào ngày tháng mười 1894 và một lần vào ngày 17 tháng tư 1901) để dưỡng uy súc nhuệ, để tích trữ lương thảo, để chiêu mộ tướng sĩ và để chờ thời cơ...

Sau việc đầu độc thất bại ở Hà-thành, (xin coi phần sau), quân cách-mệnh Yên-thế dần dần tan tạ! Đến tháng hai 1913, Hoàng tướng quân bị ba tên người khách, là thủ hạ con nuôi Lương Tam-Kỳ, giết chết trong khi không phòng-bị.

Hoàng tuy bị bêu đầu, nhưng tấm lòng hi-sinh vì nước của tướng quân vẫn nghìn thu gãi tỏ dưới bóng thanh thiên bạch nhật. Ngay như tác-giả cuốn *Indochine Française* là Paul Doumer cũng phải nhìn nhận Hoàng tướng quân là một lãnh-tụ đảng Việt-nam phản đối đã đề-kháng và đánh nhau với Pháp (trang 397). Vậy đủ biết nhân cách và việc làm của Hoàng là thế nào!

***

Vụ đầu độc năm 1908 (2)

Bấy giờ ở phố Cửa Nam, có một nhà Hai Hiên, trước làm đầu bếp trong tỉnh, sau nghỉ ở nhà, mở cửa hàng vừa thổi cơm tháng vừa chứa trọ.

Vì ông Hai Hiên là một bậc đàn anh trong giới « nhân-công tư-gia », nên anh em bồi bếp thường lui tới để nhờ tìm việc hoặc giới thiệu chỗ làm.

Hằng ngày, tại nhà ấy, số « thực khách » thường ngồi từ 4, 5 đến 9, 10 mâm mỗi bữa ăn, trong đó binh-lính có, bồi bếp có, nhà nho cũng có.

Mấy người thân tín của Hoàng Hoa-Thám tức Đề Thám như Đội Hỗ, Chánh Sông, mỗi khi về Hà-nội, để tuyên-truyền, « làm tiền » (3) hoặc « mộ người » thường qua lại nhà trọ Cửa Nam ấy. Vì thế họ hằng có dịp tiếp-xúc với nhân-vật trong quân giới như Đội Binh, Cai Nga, v. v.

Rồi do Đội Hỗ ngầm ngầm cổ động, một cuộc âm mưu bài Pháp được anh em bồi bếp và quân nhân đồng ý tán thành. Gia dĩ hai thầy Đồ (không rõ tên) thuật số ở trọ nhà Hai Hiên ấy lại thúc giục thêm vào: Thế là việc đầu độc bùng nổ vào đêm 27 tháng sáu 1908.

Nhưng vì có « nội công » cáo tố, nên người Pháp đã đề phòng trước. Bữa cơm tối hôm ấy, chỉ những người Tây trong bộ binh thuộc địa (infanterie coloniale) và trong pháo binh (artillerie) trúng độc nhẹ nhẹ thôi.

Sau cuộc đầu độc thất bại ngoài một số chí-sĩ bị bắt, bị đày, có cô Đống Đa phải tự ải ở ngục Phúc-yên, Đội Binh, Cai Nga v. v. bị xử tử ở Hà-nội.

Người ta thuật lại rằng, khi đám Đội Binh bị giải ra pháp trường, có cha con nhà quan lớn cao cấp kia, che bốn lọng, nghênh-ngang đi giám chém, bị những nhà quốc sự phạm ấy, trước lúc lên đoạn đầu đài, lớn tiếng nhục mạ như tế như tát, sau phải vội vàng lính lịnh lần về với những chiếc lọng cụp lại.

***

Việt-nam quang phục hội

Từ khi Pháp thuộc Phan Bội-Châu đau đớn trước cảnh nước mất nhà tan, bèn trốn đi xuất dương (1904), vận động việc phục quốc.

Rồi Phan đem Kỳ-ngoại-hầu Cường-Để ra hải ngoại, lập làm minh chủ, hiệu triệu các bạn đồng chí, tổ-chức Việt-nam quang-phục hội (4). Hội ấy đã làm được những việc như :

1) *Tuyển người đi du học.* — Từ khoảng 1905 trở đi, Hội tìm đủ các phương-tiện để tuyển các thanh-niên anh-tuấn trong khắp ba kỳ sang Nhật du học : hoặc do đường sơn cước, luồn rừng lách núi mà sang Tàu, hoặc do những người bồi tàu tây ở Hải-phòng, như Lý-Tuệ chẳng hạn, hết lòng giúp-đỡ để cho thoát hiểm. Khi sang lọt Trung-hoa, đám thanh-niên xuất dương ấy được đưa đi Đông-du, vào tổng học tại Đồng văn học hiệu (5), hoặc Chấn-võ học-hiệu (6) bên Nhật. Nhưng từ năm 1908-1909 về sau, vì thời cục đổi khác, các nhà lãnh tụ cách-mệnh Việt-nam cùng với hàng trăm thanh niên đang tự nghiệp ấy đều phải rời Nhật, lánh sang Tàu hoặc Tiêm (7).

2) *Việc ném bom năm 1913.* — Năm 1913, được những người Tàu ở Quảng-tây giúp ngầm, đảng Việt-nam quang-phục hoạt-động rất hăng-hái : Ở Sài-gòn có nhiều sách kích-liệt ngầm-ngầm lưu-hành, có nhiều bom lượm được ở ngoài đường và có cuộc âm mưu bị dập tắt. Ở Bắc-kỳ, ngày 12 tháng tư 1913, một quả lựu-đạn (grenade) giết chết tuần phủ Thái bình Nguyễn Duy-Hàn khi đang ngồi xe ở tòa Sứ đi ra. Rồi 7 giờ rưỡi tối 26 tháng tư 1913 một trái bom ném vào biệt nhà Hanoi-Hôtel ở phố Hàng Trống, giết chết hai tuần-tả là Chapuis và Montgrand, và làm bị thương nhiều người Pháp (7).

3) *Nhân dịp Âu chiến, định về cử sự.* — Từ năm 1914, trận Âu chiến bùng nổ, các nhà cách-mệnh Việt-nam nhân dịp người Pháp đang mắc chống Đức, định quay về nước, quyết hoạt động một phen để làm cho đạt mục đích. Nhưng việc bại lộ, Đỗ-Cơ-Quang cùng 58 đồng-chí đều bị hại cả (8).

4) *Việc mưu sát viên Toàn-quyền Merlin.* — Phạm-Hồng-Thái, đảng viên Việt-nam quang phục, năm 1924, được tin viên Toàn-quyền Merlin đi Nhật, Thượng-hải và Quảng-đông, bèn giắt một khẩu súng lục và một trái bom đi theo để mưu việc ám sát viên Toàn-quyền ấy. Nhưng, qua Nhật, qua Thượng-hải, vẫn chưa có dịp hạ thủ vì việc canh-phòng rất nghiêm-mật. Cuối cùng theo đến Quảng-đông, Phạm, sau khi đón tiếp viên Toàn-quyền Merlin sẽ chủ tọa một bữa dạ yến ở khách sạn Victoria, bèn nói với một bạn rằng : « Tôi không dám quyết việc làm này sẽ thành công nhưng thà không khi nào chịu sống trong tay người Pháp. Tôi mong anh làm cho thiên hạ biết đến cái mục-đích đảng tôi đang theo-đuổi, hầu cho người Pháp khỏi bắt lầm và giết oan những người vô tội ! »

Đến tám giờ tối 19 tháng sáu 1924, Phạm tận-dụng đủ mọi mưu lược, vào lọt được phòng khiêu-vũ trong khách-sạn Victoria. Rồi ném bỗng một tiếng : Đàn ông, đàn bà tan-tành ở ngay tại tọa !

(Xem tiếp trang 32)

Kính-cáo độc-giả

Ông *Nguyễn-Văn-An* bản chí đại diện sẽ trở lại Nam-kỳ để tiếp-tục công việc tổ-chức sự cổ-động cho bản-chí.

Mong rằng bạn độc thân yêu sẽ tín-nhiệm và ủng-hộ cho Ông *Nguyễn-Văn-An* trong khi làm phận-sự.

TỔ TRỊ SỰ TRI-TÂN

---

(1) Phần này phần nhiều dựa tài-liệu trong Báo giang địa chí của Nhật Nham Trần-Nhã-Tân, từ trang 85-34.

2) Phần này, rút tài-liệu trong cuốn Đông kinh nghĩa thục đang in của Hoa-Bằng.

3) Một danh-từ của phái cách-mệnh thường dùng từ xưa, chuyên chỉ về việc liệu lý tài-chính, để giúp quỹ-đảng, chứ không phiếm chỉ về những hành-vi bất chính để được có tiền như thời nay.

4) Sau cải-tổ làm « Việt-nam phục quốc đồng minh hội » do Kỳ-ngoại-hầu Cường-Để làm ủy-viên trưởng

5) Dạy về chính-trị và kinh-tế.

6) Trường này lập riêng cho người Việt-nam.

7) Dựa tài-liệu trong cuốn La garde indigène de l'Indochine de sa création à nos jours của E. Davies (Avignon, 1933), tập 1, trang 227-228).

8) Theo tài-liệu trong « Nam chi tập » của Nguyễn Thượng-Hiền.

VIỆC HỌC ĐỘC LẬP

NGUYỄN PHƯƠNG

Sau cuộc đảo chính hôm mồng chín tháng ba dương lịch, Đức Pảo Đại đã tuyên bố nước Đại-Việt độc-lập ta cần phải có một tinh thần độc-lập ; mà một điều cốt yếu trong tinh thần độc-lập là việc học phải được độc-lập.

Việc học thế nào là độc-lập ? Là dân Đại-Việt, ta phải học tiếng Đại Việt, học chữ Đại-Việt, tập viết văn Đại-Việt học các môn cần phải học bằng tiếng Đại-Việt. Còn bất cứ một thứ tiếng gì, một thứ chữ gì, đều là môn phụ hết cả. Cái phụ đó ta sẽ học sau, ta sẽ chọn xem một hay nhiều thứ tiếng nào thứ chữ nào, có ích cho ta hoặc về phương diện ngoại-giao, hoặc về phương diện kinh tế, hoặc về phương diện văn hóa, tài ta sẽ chia nhau ra học, người học thứ nọ người học thứ kia, tuỳ tài, tuỳ sở thích và tuỳ sự cần dùng.

Ta xưa nay vốn quen đi học là học chữ, cho nên trước thì học *chi* là chưng, *dã* là vậy, mà gần đây lại học *vache* là bò cái, *la vache* là con bò cái. Cho nên có nhiều phụ huynh tưởng rằng học chữ quốc ngữ bây giờ thì chỉ một tháng là hết chữ thầy. Khốn nạn ! Cái số ngây ngẩy đại dại đó cũng còn khá đông, họ không hiểu rằng học để biết, mà ở đời có bao nhiêu là thứ cần phải biết, mà một người dù thông minh đến đâu ra nữa bất kỳ « nhất mục tập hàng » hay « bách hàng » chăng nữa, cho học ngay từ năm lên một (nếu sớm biết) cho đến năm một trăm tuổi thì cũng không sao học hết được, huống chi chỉ học một tháng đu. Biết một ít tiếng, một ít chữ ngoại-quốc, gặp đồng bào, bi-ba bi-bô, líu-la líu-lô mấy câu, để loè nhau như con vẹt nói « có khách », « quạt nước », sao gọi là học được. Nếu chỉ có thế thôi thì cái học chả hoá ra giản-dị lắm du !

Bể học mênh mông, nào cách vật, trí tri, nào tu tề trị bình, lại còn bao nhiêu môn khoa học tân tiến, thế mà có một số người mình ngày nay dám cho là học chỉ một tháng là hết.

Xin nói giở lại việc học độc lập.

Nay ta đã được tự do học tiếng ta và học bằng tiếng ta, ta nên gột hết cái ốc nô-lệ đi mà học cho phải đường.

Nhưng muốn học bằng tiếng ta, ta phải có nhiều sách, rõ nhiều sách, lại phải có thầy giáo nữa. Làm thế nào ?

Tôi xin lấy thiển kiến phác qua một cái chương trình như sau này, mong các bậc cao minh chỉ giáo thêm cho. Cái chương trình này về tiểu học và trung học thì có thể thực hành ngay được ; còn về Cao đẳng thì chưa dám bàn đến.

1) — *Trong lúc chưa có đủ sách* — Xin các nhà sư phạm dịch ngay những môn của mình phải dạy ra tiếng Việt. Nếu có những tiếng chuyên môn mà ta chưa có, thì một là tự mình đủ sức đặt ra lấy được, hai là tham bác với các bạn đồng nghiệp mà đặt ra. Nếu có tiếng nào chưa được ổn thì ta hãy cứ dùng tạm, rồi sau sẽ thay. Ngày nào dịch bài ngày ấy ngay từ tối hôm trước, rồi đến lớp đọc cho học trò chép.

Việc này chắc đã có nhiều vị nghĩ đến và cũng đã đem thực hành rồi. Riêng tôi được biết có một ông giáo, ngay sau cuộc đảo chính xong, đã dịch các bài học ra tiếng Việt cho các học trò mình học ngay, trong khi các bạn khác còn hồi hộp dụt dè đợi thượng lịnh.

2) — Ngay từ giờ các ngài trong giáo giới kíp lập lấy một ban tu thư, càng nhiều người giúp càng hay. Ban tu thư lại chia ra các tiểu ban, mỗi tiểu

ban coi riêng về một môn học: Rồi tuỳ tài giao cho các người soạn ra các sách giáo khoa bằng tiếng Việt. Khi đã soạn xong, xem xét cẩn thận, tức thì lấy công quỹ học-chánh in ra rõ nhiều, phân phát đi các trường, bán một giá thật rẻ cho học trò dùng.

Lại đặt ra một ban chuyên dịch các sách của ta viết bằng chữ hán, rồi cũng in ra để dùng về việc học; nhất là những bộ như *Lịch triều hiến chương*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, vân vân.

Ngoài ban tu thư, nếu ai có sách hay dùng về việc học đưa đến, thì cũng nên xét đoán công minh rồi nhà Học-Chính nhận lấy in ra cho học trò dùng.

Tôi thiết tưởng ta làm kịp ngay đi thì đến sau kỳ nghỉ hè, đã tạm-tạm có đủ sách dùng.

3) — Trong giáo giới, chắc cũng có một số người xưa nay không quen viết quốc văn, dùng quốc ngữ, vậy đến vụ nghỉ hè này nên đặt ra các lớp tu nghiệp, để dạy quốc văn cho các vị ấy. Học khóa là hai tháng. Giáo viên thì chọn trong các vị giáo sư cao cấp, thông hiểu quốc văn và hán học.

4) — Sau kỳ nghỉ hè, lập thêm ra rõ nhiều trường sơ đẳng. Mỗi làng phải có một trường. Mỗi phủ huyện hay vài phủ huyện phải có một trường trung học.

Tiền đâu? Thiếu gì: Bỏ một viên chức Pháp, đủ nuôi được ít ra mười viên chức người ta.

5) Cho hội Truyền Bá quốc ngữ *tư cách Công Ích* (Utilité publique), để cho đảm nhận một phần lớn trong việc vỡ lòng cho quốc dân.

6) Trợ cấp cho các trường tư đúng đắn, tuỳ theo số học trò nhiều ít, để các trường ấy có thể hạ được học phí cho con nhà nghèo.

7) Ra luật lệ rút dễ dàng, hoặc là bỏ hẳn lệ phải xin phép, để các trường tư mở được thật nhiều. Nhất là những sự bó buộc về vệ sinh, thì cần phải chậm chước nhiều; đến ngay cả các trường công của chính phủ Pháp trước cũng không đủ nổi được các điều kiện vệ sinh của chính phủ ấy bắt buộc.

8) Bỏ các lệ phí của các kỳ thi mà thí sinh phải nộp hiện giờ. Giảm hay là bỏ hẳn các khoản học phí của các trường công, bất kỳ trung-đẳng hay là Cao đẳng.

Nếu còn các khoản học phí này để làm một cái hàng rào chắn con nhà nghèo trước sự học, thì sự học của ta sao còn được gọi là độc-lập nữa. Cái học có phải là để riêng cho con nhà giàu đâu. Nếu học mà còn phải mất tiền thì cái họa di tài không sao tránh được. Nếu cái học lại dễ như hồi ta còn độc lập, trước khi người Pháp đến xứ này, thì dân ta vốn là một dân hiếu học, việc học không cần phải cưỡng bách, mà rồi ta sẽ không có một tên dân quê nào là không biết đọc, biết viết nữa. Cái cảnh ngược đời: một ông «hàn lâm» cầm thư của con nhờ người đọc hộ, sẽ không thấy nữa.

Bàn thêm. — Các trường mới lập ra thì nên xếp đặt một cách rất đơn giản cho dễ tốn tiền. Bản ta nhờ được khí hậu êm ái, có thể mở được những lớp lộ-thiên (cours de plein air) một cách dễ dàng, mà biện trước hồi chiến tranh, các nước Âu-châu đang thi nhau lập ra, theo phương pháp của thuyết tự-nhiên (naturisme).

Rất mong các vị có nhiệm vụ về việc học của dân ta bắt tay vào làm việc ngay cho quốc dân được nhờ, quốc gia được nhờ. Dân ta ngủ đã lâu lắm rồi, bây giờ mới dậy thì mặt trời đã lên cao, các bạn láng giềng của ta đã đi trước ta xa lắm rồi. Ta phải giảo cẳng bước mau thì mới mong kịp người được.

NGUYỄN PHƯỢNG

Báo, Sách nhận được

— *Giáo giạt* (thơ) của Băng Thanh dày 52 trang, giá 2$00 — Tác giả xuất bản.

— *Thanh niên* tạp chí, giáo dục, văn chương hoạt động — số đặc biệt chào mừng nền độc lập giá 1$20, ra ngày 15-4-45.

Xin cảm ơn bạn đồng nghiệp và giới thiệu cùng các bạn

T. T.

Những cuộc cách-mệnh...
(Tiếp theo trang 29)

Phạm cười nhạt rồi nói: « Tôi chết được rồi, vì tôi đã làm xong việc! » (1). Kết-quả trái bom này giết được năm người Pháp. Viên Toàn-quyền Mérlin vì vội núp xuống gậm bàn, nên được thoát nạn. Còn Phạm thì nhảy xuống sông mà trầm mình.

***

Việc Thái-nguyên năm 1917 (2)

Bấy giờ cuộc Âu-chiến (1914-1918) đang ở vào thời-kỳ kịch-liệt. Nghĩ cảnh tổ quốc luân-vong, phàm ai đã có nhiệt huyết cũng đều nhấp-nhảy muốn động. Sở dĩ cuộc cách-mệnh phát ra ở Thái-nguyên, là vì ngoài cái viễn nhân nói trên, cũng cái cận nhân này nữa: Viên Công-sứ « Đạc » (Darles) và viên Giám-binh ở Thái-nguyên khi đó rất tàn ác. Chúng hết sức ngược đãi anh-em binh-lính và tù nhân, ngay mỗi bắt bình vào tâm-khảm những người đã ngấm ôm tư-tưởng cách-mệnh. Ga dĩ, trong tay Thái-nguyên bấy giờ có giám Lường, Ngọc Quyền tức Ba Quyền, và dư của Hoàng Hoa Thám trong có Ba Chi, Nguyễn Gia-Cầu và Ba Nho hàng 3, 40 người toàn là những tay bắn giỏi cả. Mỗi khi người bên quân-giới tiếp-xúc với phái chính-trị-phạm này là một dịp tiện để họ khêu gợi cái mầm bạo phục đang âm-ỷ ngầm-ngấm trong những đầu óc nặng trĩu những mối uất-ức căm hờn.

Thế rồi cuộc cách-mệnh bùng nổ vào hồi 11 giờ đêm 30 rạng 31 tháng tám 1917, xướng suất bởi bốn yếu-nhân trong quân-giới khố xanh: Đội Cấn, Đội Giá, Đội Tương và Cai Xuyên (3).

Các nhà Cách mệnh ấy đã hành động những việc dưới đây từ ngày 31 tháng tám đến mồng 3 tháng chín 1917:

Sau khi đã triệu-tập được những phần tử hưởng ứng và xử tử những kẻ phản động rồi, Đội Cấn kéo sang nhà-pha: thả tù, giết chết vợ chồng viên giám ngục Loew.

Khi tìm đến chỗ giam Ba Quyền, thấy xiềng sắt quá kiên cố, họ phải gọi thợ rèn đến kéo bễ mới chặt xiềng phá xích được. Vì bị giam-cầm lâu ngày bằng những hình-cụ tàn bạo, Ba Quyền đã đau liệt cả chân không sao cử động được một bước. Sau khi giải phóng, phái Cách mệnh phải sai người cõng Ba Quyền đi.

Thả độ 20 tù trong có một ông Tú (không võ đoán) ra rồi, họ dẫn sang trại lính, phân phát cho áo mặc và khí giới. Đội Giá ở lại coi giữ nhà lao.

Họ giết viên Giám-binh Noel, viên Phó quan và Đội Hanh. Họ chém 7, 8 người lính khố xanh không chịu theo họ.

Bấy giờ quân Cách mệnh, do Đội Cấn cầm đầu, đã tổ chức thành hai liên-đội (compagnies) có những khí giới này:

92 khẩu súng trận, 75 khẩu súng trường, 4 khẩu súng lục, 16 thanh lưỡi lê và 62.175 viên đạn.

Họ cắt quân dự tuần-tiễu những địa-điểm đóng binh, đào hầm để dùng trong khi tác chiến.

Họ phá toà Sứ, những buồng giấy toà Sứ và nhà Giám-binh.

Quân Cách-mệnh bấy giờ đã lên đến con số 623, trong có Kỳ Kinh, Kỳ Cẩm (4) là người hàng phố, cũng tham gia vào.

Họ giữ Thái nguyên được 4 ngày. Trong khi chưa hạ được đồn lính tây ở tỉnh-lỵ, thì viện binh của Pháp đã từ Hà-nội kéo lên rồi. Sở dĩ quân Pháp lên được nhanh chóng, là vì một người Nam làm ở Giây thép hết sức « trung thành » (!) cố ba lần liều chết (!), bò (!) sang nhà Giây thép để đánh điện về Hà-nội, nhưng giây đường Hà-nội bị đứt, lại đánh điện tin sang tỉnh khác (có lẽ là Bắc giang) rằng « Thái nguyên có *giặc* (!) » (5). Vì bức điện này, cuộc cách mệnh mới đến thất bại!

Bị cứu binh bên quân Pháp vây hãm, và ném bom, quân Cách mệnh bấy giờ còn tất cả được độ 250 người, phải rút ra khỏi tỉnh lỵ Thái nguyên hồi 8 giờ ngày 4 tháng chín. Trải qua nhiều trận huyết chiến, ngày 20 tháng chín 1917, quân Cách mệnh chỉ còn 165 người có khí giới thôi. Đến ngày 20 tháng giêng 1918, chỉ còn 12 chiến sĩ tản mác trong các khu rừng!

Ba Quyền, từ khi thấy cuộc cách mệnh có lo thất bại, liền tự sát ngay trước.

Ông Tú, một yếu nhân trong số chính trị phạm được giải phóng, cũng tự trầm ở Giang-tiên.

Đội Cấn, sau bao trận tử chiến với quân Pháp, phải bắn phát đạn bị thương chết ở trên núi Phao thuộc Vĩnh yên ngày 5 tháng giêng 1918 (6).

Thế là cuộc võ trang cách mệnh tan vỡ sau 5 tháng trời oanh liệt!

***

Đây trở lên, tôi chỉ lược kể những cuộc cách mệnh có tiếng từ khi Pháp thuộc. Ấy là chưa nói đến những việc quật khởi như Tống-Duy-Tân và Bãi Sậy v. v., những cuộc âm mưu như Sài Pu ên và Trần-Cao-Vân v.v, (tức việc vua Duy-Tân năm bính thìn (1916).

Còn những cuộc cách-mệnh gần đây như Việt-nam quốc-dân đảng, vụ Yên bái, các bạn có thể đọc cho biết đại khái ở bài « phỏng vấn » của bạn Phạm Mạnh Phan và bài « Giọt máu hi sinh » của Song-Cối cùng đăng ở số báo này. Đến như Tân Việt cách mệnh đảng thì các bạn có thể xem ở bài ký-sự của bạn Nhượng Tống đang viết trên tờ *Hải-phòng nhật báo*.

Giấy lắm chuyện nhiều, xin bạn với cả độc giả thân miến ở một cuốn sách dưới cái đầu đề như bài này đã nêu lên đó.

***

Để kết, tôi xin mượn mấy câu trong bài của Kỳ-ngoại-hầu Cường-Để từ Đông-kinh gửi về khuyên quốc dân ngày 11 tháng giêng 1944 :

« ... *Ông chả trước bịnh Nồ sát Thát;*
Nói giống mình hèn nhát chi đâu ?

« . . . . . .

« *Hỡi hăm nhăm triệu đồng-bào !*
« *Chuyện ta, ta phải tính sao, bây giờ ?*

« . . . . . .

« *Hỡi anh em chị em ta !*
« *Hiến thân cho nước mới là quốc dân ...* »

HOA-BẰNG

---

1) *Theo tài-liệu trong bài bia đọc Hồ-Hán Dân đề mộ Phạm-Hồng Thái ở Quảng-đông.*

2) *Theo những lời kể lại của mấy cụ già đồng tù ở Côn-đảo với những người dự việc khởi nghĩa Thái-nguyên.* Lại tham khảo trong cuốn *Histoire politique et militaire de la province de Thái-nguyên của E. Chiaverie* A *fred (Hà-nội, 1934)* và cuốn *La garde indigène de l'Indochine của E. Doufès*

(3) *Phải chăng tức là Cai-Chén ?*

(4) *Hai ông nầy sau chết trận cả.*

5) *Đây theo tài liệu riêng của tác giả. Còn theo cuốn La garde indigène de l'Indochine của E. Doufès thì viên chủ sự nhà giấy, thời Thái-nguyên bấy giờ là một người Nam, bị phái Cách mệnh bắt ép phá hủy bộ máy điện tín, nhưng người này cố đánh được mấy lời vắn tắt về Bắc-nội : « Thái-nguyên có giặc ».*

(6) *Theo như tờ « trung thực » của Sarlel ngày 12-1-1918 thì do tên Sĩ quản làng Hương-xạ-hạ, tỉnh Vĩnh yên, trước theo khởi nghĩa, sau phản bội, giết Đội Cấn.*

THỜI MỚI, LỊCH MỚI

LỊCH VIỆT-NAM

Long-Điền biên tập

LỊCH VIỆT-NAM là thứ lịch bóc như lịch trên thế giới vẫn dùng, nhưng khác ở chỗ làm theo ngày tháng Việt-Nam vì thế gọi là Lịch Việt-Nam

LỊCH VIỆT-NAM đã xuất hiện một lần năm Quý-Dậu (1933); nhưng vì mây âm sương che, nên chỉ vén vẹn được một năm rồi phải lần nấu chờ thời quang tạnh.

LỊCH VIỆT-NAM nay đã phù hợp thời, sẽ ra hiện năm Bính-thất (1946).

LỊCH VIỆT-NAM có những tính cách sau này :

1) Sẽ bắt đầu từ 28 tháng một năm Ất-dậu (1-1-1946) bóc đến 30 tháng chạp năm Bính-tuất tức là 13 tháng ; như vậy để tiện tiếp thế ngay vào lịch-tây vừa hết. Từ năm sau giờ sẽ bắt đầu từ mồng một tháng giêng đến 30 tháng chạp ta

2) Để tiện việc phổ biến quốc-lý, mỗi tờ có chưa đủ ngày, tuần, tháng dương-lịch.

3) Mỗi ngày có ghi rõ một việc xảy ra trong lịch-sử nước nhà, để gây tinh thần á-quốc.

4) Năm thì tính từ đời Hồng-Bàng lập quốc đến năm tới là năm 4825 (Hồng-Bàng 2879 tr Giatô + năm tới 1946).

5) Những ngày quốc lễ và những ngày kỷ niệm danh nhân đều in ấy và ghi rõ để cho dễ nhớ.

6) Ba ngày tết Nguyên-đán in ba chữ đỏ Phúc, Lộc, Thọ.

7) Các ngày thường in giấy trắng mực đen.

8) Trong tập lịch có sẵn nhiều tờ giấy cái mẫu để in quảng-cáo các nhà thương-mại, kỹ nghệ.

Tạm phác chương-trình là thế mong các bạn xa gần có ý kiến gì thêm xin cho biết, và các nhà kỹ-nghệ, thương-mại định dùng bao nhiêu xin sớm cho hay để chúng tôi trù liệu.

Giá lịch và giá quảng-cáo sẽ thông trình sau.

TY XUẤT BẢN TRI-TÂN
kính cáo

ÔNG NHƯỢNG TỐNG

(Tiếp theo trang 7)

Km vào đảng, phải giơ tay tuyên thệ trước mặt các đồng chí, đại khái : « Trước giang sơn tổ quốc, trước mặt các anh em đồng chí, tên tôi là Mỗ bao nhiêu tuổi, thề xin giữ bí mật cho đảng, phục tòng mệ h lệnh của đảng, hy sinh tài sản, tính mệnh cho đảng. Nếu sai lời xin chịu tử hình. »

— Đảng tổ chức như vậy chắc cũng có nguồn lợi-tức gì để chi tiêu các khoản ?

— « Tiền của đảng một phần là do các đảng viên đóng, mỗi người mỗi tháng bai bảo. Những người đi làm công sở mà có lương tháng thì phải góp hàng tháng bài mươi phần trăm số lương. Các nhà công cộng, thương, phải nộp hàng năm hai mươi phần trăm số lợi tức. Ngoài ra đảng lại mở cuộc lạc quyên trong các đồng chí. Nhiều ông em đã giúp đảng hàng vạn ! »

Biết rõ về cách tổ chức, tôi hỏi tới chương trình của Việt Nam quốc dân đảng thì ông Nhượng Tống liền đứng lên đi tản bộ trong phòng như có vẻ suy nghĩ. Rồi ông thư thả nói :

— Chương trình của đảng có 4 thời kỳ : phôi thai, dự bị, phá hoại tức cách mệnh với người Pháp và kiến thiết. Chúng tôi chưa làm xong cái chương trình ấy thì đã bị vỡ và bị người Pháp tung tay đàn áp. Chúng tôi mới tới thời kỳ thứ ba. Còn thời kỳ thứ tư là kiến thiết quốc gia theo chương trình khi ấy là lập nước Việt Nam ta thành một nước cộng hòa xã hội.

— Ông làm ơn cho biết Việt Nam quốc dân đảng hành động khắp trong nước hay chỉ có nguyên ngoài Bắc ?

— Chúng tôi định lập chi nhánh ở khắp Trung, Nam nhưng đồng chí ở hai nơi này không có mấy. Hồi đó Nam - kỳ phần nhiều theo Nguyễn an Ninh. Trung-kỳ thì theo Tân Việt cách mệnh đảng và Thanh Niên đồng chí hội. Chúng tôi có phái người đi liên lạc để mong hợp nhất không những ở trong nước mà còn cả các đảng cách mệnh ở Xiêm, ở Tàu. Nhưng điều mong ước đó không được thực hiệu.

Tôi liền bước sang câu hỏi phụ để biết qua về văn chương cách mệnh :

— Ngoài các sách của Nam Đồng thư xã. Việt Nam quốc dân đảng có còn các bài văn nào trong thời kỳ tuyên truyền chăng ?

— Khi Việt Nam quốc dân đảng thành lập thì vừa là lúc Nam Đồng thư xã bị người Pháp bắt đóng cửa. Các sách đã xuất bản như *Gương thiếu niên, Gương thành bại, Trưng Vương diễn nghĩa, Tôn dật Tiên, Dân tộc chủ nghĩa, Dân sinh chủ nghĩa* phần nhiều bị cấm và tan-nát cả.

Tôi hồi đó có làm cuốn *Cách mệnh tiên thanh*, trong đó kể người Pháp 32 tội ! Sách in giấu không cho nhà đương cục biết.

— Nghe nói trong sách ấy có một bài cách mệnh ca, ông còn nhớ xin cho biết.

— Tôi chỉ còn nhớ có tám câu đầu là :

« Lửa đế quốc thiêu tàn sáu giống
« Sóng cường quyền vỗ động năm châu
« Nước đến chân, lửa đốt đầu
« Khói tanh sặc sụa hơi sầu mê man
« Giống mạnh những moi gan móc mắt
« Loài yếu cam sấp mặt cúi mày,
« Thảm nào quá thảm lúc này
« Nhục nào hơn nhục ngày rày nữa đâu !

và mấy câu cuối :

« Xin đứng dậy cùng lên tiếng hát
« Gọi hồn mê hét quát gió mây
« Nằm da uống máu có ngày
« Xông tên đột đạn phen này mới xong,
« Cùng dẫn bước xin cùng dẫn bước
« Gây bình đao gây cuộc bình đao
« Phất cờ đào, đổ máu đào,
« Nam đồng bào, nữ đồng bào tiến lên ! »

Ngoài mấy câu đó tôi còn nhớ trong cỏ một bài quốc ca :

« Một lời đồng tâm, liều thân vì nước
« Góp chung máu đào quyết rửa thù chung
« Con đường quang vinh vui chân cùng bước
« Chết đáng chết trên trần thế mấy anh hùng ?
« Chết đáng chết trên trần thế mấy anh hùng ?
« Cùng loài sài lang, thề chẳng đội trời chung !
« Sống ra không thẹn cùng hồn sông !

« Chết đi không hề cùng-của ông.

« Nào anh em đồng chí!

« Xin tiến lên cùng!

« Lắp súng, anh em tiền quân!

« Tuốt gươm, anh em tiền phong!

« Tuốt gươm, lắp súng,

« Tiến lên! Tiến lên! Ta phấn đấu tới cùng!

— *Thế đảng đang bành trướng, chẳng hay vì lẽ chi lại bị vỡ?*

— Đảng bị tiết lộ là vì có nội công.

— *Có lẽ rồi sau đảng cũng rõ con người phản bội?*

— Người ấy chính là Bùi tiên Mai ở Thái Bình. Trước lắn làm thừa phái và lại là đại biểu cho tỉnh bộ Thái bình để dự vào trung ương đảng bộ.

Hắn đi tố cáo với quân địch nên các đồng chí ở Thái bình và các đảng viên ở trung ương đảng bộ đều bị bắt, trừ chủ tịch Nguyễn khắc Nhu và phó chủ tịch Nguyễn thái Học trốn thoát.

Giao đó nhiều bạn đồng chí ở bên Tầu muốn đón anh Học sang bên đó, nhưng anh nhất định không chịu đi.

Anh Nguyễn khắc Nhu sau cầm đầu trận đánh Hưng hoá và chết ở trận.

— *Sau khi bị tiết lộ, đảng có hành động gì nữa không?*

— « Sau việc bắt bớ năm 1929, chúng tôi, những người còn lại định tổ chức cuộc khởi nghĩa ở toàn hạt Bắc Kỳ của bạn tôi chú ý nhất là Hà-nội. Vì vậy ở trường bay Bạch mai chúng tôi có tới hơn 30 người đều là đồng chí và trong đạo quân thứ 4 và thứ 9, có hơn ba trăm hạ sĩ quan là đảng viên.

Nhưng sau cuộc phản bạn của đội Dương, các võ trang đồng chí đều bị bắt và bị cách chức. Đảng có phái người đi trừng trị đội Dương bị giết hụt và bố đội Dương là giáo Du thì bị giết ở đầu Đàng Đậu.

Thành ra khi khởi nghĩa chỉ đánh được có Yên Bay, còn ở Hà-nội chỉ ném được có mấy quả bom.

Trong khi ấy ở Hải-dương, Lạc ninh, Kiến-an, Thái-bình, Phả lại, Hưng-hoá, Vĩnh-bảo, Phụ dực đều có nội biến. Những nơi này các đảng viên cũng bị đàn áp và tan tác cả. Sau vụ Yên bay, lần đầu 13 người lên máy chém, trong đó có Ngô hải Hoàng, Nguyễn thanh Tuyết, Nguyễn thái Học, Phó đức Chính v.v.; lần thứ nhì hơn ba mươi người, tất cả hơn 50 người bị thiệt mạng! Ngoài ra gần 3 nghìn người bị đầy sang Lainì, và ra Côn Đảo!

— *Thế ông bị bắt vào hồi nào?*

— Về phần tôi, năm 1929 bị kết án nam năm cấm cố (dé ention), 5 năm biệt xứ, không được đến các thành phố tớn 1 »

Nói đến Việt Nam quốc dân đảng khi bị đàn áp tôi mạnh lòng nhớ tới đảng trưởng và cô Giang một nữ đồng chí của ông, nên hỏi tiếp:

— *Thưa ông, chúng tôi còn nhớ giáo đồ đảng có nữ đồng chí là cô Giang, chẳng hay cô nhập đảng vào thời kỳ nào và giữa cô với Nguyễn thái Học có giây liên lạc mật thiết gì chăng?*

Ông Nhượng Tống nói ngay:

— Cô Giang chính là vợ anh Nguyễn thái Học

— *Ông cho biết qua về thân thế Nguyễn thái Học?*

— Nguyễn anh Học là sinh viên trường Cao đẳng thương mại và trước có học qua ban sư phạm. Anh người ít nói, nhưng nóng tính. Tôi quen anh năm đó vào trạc 24 25 Quê anh ở làng Thổ tang, phủ Vĩnh tường, Vĩnh yên. Làng đó bị quân Pháp đốt phá kỉ đảng vỡ lở.

Cụ thân sinh ra anh đã mất. Nay hãy còn cụ Bà mẹ tôi vừa tới thăm cách đây ít lâu. Anh có ba anh em. Em thứ nhất là Nguyễn văn Nho cũng vào đảng sau bị kết án tử hình. Em thứ ba năm nay mới ngoài 20 tuổi. Anh là người đồng quận của ông đội Cấn người đã cầm đầu cuộc đánh phá Thái nguyên. Theo chỗ tôi biết thì đời cách mệnh của anh chịu ảnh hưởng rất nhiều của đội Cấn.

Còn cô Giang. Nguyên đảng tôi không có lệ cho đàn bà nhập đảng. Cô thuộc về chi bộ Bắc giang, Chi bộ ấy thành lập trước khi có Việt Nam quốc dân đảng

Nhà anh Sử Nhu đã trót thu nhận nữ đồng chí, tên chỉ riêng có chi bộ [illegible]

Cô Giang cầm lấy anh Học độ hai mươi tuổi. Nhà chỉ có ba chị em gái, đều làm cách mệnh cả! Cô Bắc là chị cả, bị kết án đày chung thân. Cô thứ ba là cô Tính không bị bắt. Cô Giang tự tử ở đầu làng anh Nguyễn thái Học. Nghe đâu hiện nay có miếu thờ cũng như người ta đã thờ Trần quang Diệu ở Cồ-am, vì anh là người đã đánh huyện Vĩnh-bảo!

— *Người ta kể chuyện khi Nguyễn-thái Học bị hành hình ở Yên-bay thì Cô Giang thu hình trong bộ áo mầu nâu có đứng trong đám quần chúng mà chứng kiến vụ tàn sát đó. Chuyện ấy có thật chăng?*

— Có thể có được lắm, vì cô Giang là một đảng viên rất trung thành.

Sau khi biết cặn kẽ về Việt nam quốc dân đảng, tôi liền hỏi về tình hình hiện thời của đảng.

Người tôi tiếp chuyện thong thả trả lời như muốn cân nhắc từng câu nói:

— Ngày trước người Pháp đàn áp chúng tôi, thì chúng tôi phải lẩn trong bóng tối. Nay chúng tôi được tự do hành động.

Công việc hiện nay đảng chúng tôi mong hợp nhất với đảng quốc gia để lãnh đạo cho quần chúng trong công việc nhận biết lấy nghĩa-vụ và quyền lợi của một người công dân, để giúp đỡ chính phủ quốc gia cùng giám đốc các quan lại trong mọi công việc kiến thiết.

Làm như vậy là để mong nâng cao được trình độ sinh hoạt và tinh thần của đại đa số dân chúng.

Việc hợp nhất ấy cơ hồ đã thành sự thực. Một dân tộc khi phục sinh, bao giờ cũng trông ở một quốc hồn mạnh mẽ. Khi quốc hồn của ta đã mạnh mẽ thì sự đồng tâm sẽ được hết thảy các con nước....

Nói đến đây ông căn dặn:

— Ông nhớ gạch chữ con nước.

Rồi ông tiếp:

— Hết thảy các con nước coi là thiêng liêng. Cho nên trông thấy sự hy sinh, sự cố gắng, sự một lòng một dạ của các anh em chân chính ái quốc đứng trước công việc ích trung trong lúc này, tôi rất lấy làm lạc quan. Tôi quả quyết tin rằng, với sự đồng tâm ấy, dân tộc Việt Nam ta đã bước sang một giai đoạn mới trên đường tiến hóa.»

— *Đảng hiện nay có định chiêu tập một đại hội nghị để tiếp tục bàn các công việc?*

— Không cần. Đảng chúng tôi trong lúc này chỉ là tiếp tục các công việc thường.

— *Hiện giờ trong đảng ai làm đảng trưởng?*

— Chúng tôi không hề có đảng trưởng. Quyền tối cao trong đảng trước kia là ở người chủ tịch Trung ương đảng bộ mà nay thì ở thường vụ ủy viên hội.

***

Cuộc phỏng vấn kéo dài đã gần hai tiếng đồng hồ. Chia tay từ giã giữa lúc màn tối bao phủ vạn vật, tôi tự nhủ, nếu còn người Pháp ở đây lọt ra tên tôi cũng đã bị liệt vào bằng tình nghi và biết đâu một tên mà tà vẫn chả theo sát bóng tôi để dò là hành động. Vì tôi đã dám công nhiên nói chuyện với một ông chính trị Nam và đặt chân vào một đảng bộ của Việt nam quốc dân đảng!

PHẠM-MẠNH-PHAN

Hải ngoại huyết thư

(Tiếp theo trang 12)

Nào là kẻ bếp bồi có khi,
Nào là ai thông ký có lòng

thì nên:

Người một nơi bạng để một nơi,
Trước là ích lợi cho người,
Sau là vận nước phúc giời về sau.

Cửu gia tử đệ nào thì những ai?

thì nên:

Nghĩa phục thù chép để một bên.

Còn người đi du học mọi nơi
Khuyên ai cố ra công gắng chí
Dầu đắp non lắt bể cũng nên
Tinh thành tắc đá như in,
Đá vàng cũng rút một lên bằng nhẩm.

Này cha mẹ anh em chú bác,
Dẫu trong ngoài ai khác gì ai,
Người trong phái có người ngoài
Đồng tâm há phải những người ở trong.

Tóm-lại, nếu dân trong nước, cả các phái, các hạng đều đồng tâm mưu ích như thế thì:

Việc gì coi cũng dễ như không,
Không việc gì việc không xong,
Nếu không xong quyết là không có giời

Ay ý nghĩa bản Hải ngoại huyết thư tuổ, mà văn chương dịch bản ấy hay là như thế nay là cái lúc ta cần phải giảng minh nghĩa hai chữ đồng tâm thì ta ại cần biết đến bản ấy. (1)

Trước khi đặng bút, ký giả mong cái bạn đọc:

«Đem những chuyện nhiệt thành ái quốc,
Bảo một người, tỉnh được một người,
Dần lên từ một đến mười!
Trăm nghìn vạn vạn mọi tình dân.
Ai cũng biết họp quần là thế,
Khắp bọn này bọn ấy họp nhau.
Gió nhanh thì sấm dậy mau!
Chỗ tâm một phút dâu đâu cũng đồng»

Khái sinh DƯƠNG-TỰ-QUÁN

(1) Nguyên văn bản ấy có bà trong sách « Dương-Bá-Trạc » sắp xuất bản.

Tai nghe mắt thấy...

(Tiếp theo trang 15)

Quan bỏi : (bằng tiếng ta vì ngài thạo lắm) :

— Này, thầy cai ! đồ kẻ hết mấy thuyền ?

— Dạ, bẩm Cụ lớn, ba thuyền cả !

— Tốt ! Tốt lắm !

Xem xong, quan lên xe đơi, phóng thẳng về Hà-nội vì ngài còn kinh lý đà khác.

Có người tò-mò hỏi bác cai thầu :

— Này ông Cai hôm nọ đồ kẻ ở đây chỉ có một thuyền đá, sao cụ lại khai với quan những ba thuyền ?

— Vu- (vous) thật - thà quá ! này nhớ : ông Hà bắt một thuyền Cụ lớn một thuyền còn phần tôi một thuyền, chả ba là gì !

***

IV) Quan đốc học « Lưu linh »

G... làm thanh tra sơ học kiêm đốc học tỉnh Thanh hóa là một người Pháp trong giáo-giới mà thoạt nhìn tưởng anh đánh cá (nghề đầu quê ở xứ Bretagne) tính nết đã lười nhác lại hay cáu kỉnh, chỉ có một đức tốt là nghiện rượu.

Sáng uống, trưa uống, chiều cũng uống. Mỗi khi « tửu nhập » thì đến nhà giấy với cái mặt đỏ gay, đôi mắt riêu-bàn quắc, đến cổng, gặp khán-trường lá gắt, vào nhà giấy gặp phần việc lại gắt, ra sân gặp học trò cũng gắt.

Mỗi ngày đến qua loa, rồi về dinh — nói cho có vẻ — một nhà bốn buồng lúc nào cũng đóng cửa im-ỉm.

Đã có nhời dặn : giấy gì ẩn đem đến nhà ký, không tìm gì ở bàn giấy, vì hắn đến như giả và ra vẽ lũng như gỗ.

Một buổi chiều, trong giờ làm, tùy-phái mang công-văn đến chờ mãi, chờ mãi... Sau nóng ruột, hỏi quan thì ở chưa ; người nhà vô ý mở cửa phòng ăn : một người to lớn, chỉ mặc một chiếc áo sơ mi (chemise) rộng, rằm sống suốt dưới đất, đang gục đầu vào cánh tay, ngáy khò-khò...

Một nhà sư-phạm Pháp mà một đồ-đệ trung thành của Lưu linh !

***

V) Đón Toàn-quyền Merlin

Tin Toàn-quyền Merlin dùng xe hỏa riêng ra Hà nội làm rộn rịp cả phía bắc xứ Trung-kỳ, nhất là ở Thanh-hóa, vì Toàn quyền sẽ dừng lại dùng cơm trưa.

Trên đường cái từ Thanh hóa — Đồng giao — nơi có cột mốc phân địa giới hai xứ Trung Bắc kỳ — những làng thuộc hai Hậu-lộc, Hà-trung đều nhận được giấy sức phải đem cờ thần cắm dọc đường và bày hương án hái vọng.

Tiếp giấy sức, cai tổng sức cho chánh, phó lý bắt dân phu mang cờ đến chỗ phải đón, nhưng phải cắm từ chiều hôm trước. Những phu sợ mất cờ thần, phải đến làng, nên mang theo cơm nắm suốt đêm ăn ngủ ngay chỗ, để « canh cờ ».

Sớm hôm sau, nào cờ, nào tàn nào hương án bày ra la-liệt cạnh đấy cảo thần bao, kỳ lão, mặc áo thượng xanh chờ sẵn.

Trên đường đã tưng xôn phẩm chiều ánh nắng nóng như thiêu như đốt, mà bao nhiêu người phải chờ. Chờ mãi đến xế chiều mới thấy từ xa lù lù một đoàn xe hỏa kết băng tam-tài tiến đến rầm rầm.

Chiêng trống nổi, bát-âm nổi khéo ; các kỳ lão, tuổi đã già, khom lưng cúi vái. Tàu dừng lại vụt qua, nhưng... Tào không người, mà viên quan tai-ri... áo thắng lom vàng, chứng tọa sau cùng người một cách chế nhạo, theo chiều gió thả một mảnh giấy xuống. Ai nấy sức lại đọc, chỉ vỏn vẹn có một câu bằng chữ Pháp : « Tôi là chánh-văn phòng Chatel, quan Toàn-quyền sẽ đi ô tô sau ».

Thế là bão... lại đợi... suốt buổi chiều đến tối, khi mọi người đã giải tán, khi các phu đã ngủ dưới cột cờ thì một đoàn xe ô-tô chạy rất nhanh như một toán ăn binh kéo trong đêm tối.

Bị chết hụt ở Quảng đông, Toàn-quyền Merlin phải đi lối... không kèn, không trống !

TIÊN ĐÀM *lược thuật*

(Rút trong bút-ký « Ba năm Trung-kỳ » 1921 — 1923)

Đã có bán :

ĐÀO DUY TỪ

Sách khảo cứu của
Khái-Sinh Dương-Tự-Quán

Có nói đến bộ binh khu cơ, bộ binh pháp rất lạ của Từ. 180 trang giấy tốt Bắc giá bán 5$ cước 0$60

Hiệu sách Đông Tây
195, hàng Bông Hanoi

Khi mới độc lập, ...

(Tiếp theo trang 9)

Tháng tư năm ấy « vua Lê-Lợi họp tập các tướng sĩ đem mười điều quân biến (phép nhà binh) ban bảo trong quân (*K. đ. v. s.* q. 14, tờ 12b-13a).

Tháng năm năm ấy, « định những hiệu lệnh trong quân » (*K. đ. v. s.* q. 14, tờ 13 b) và ra lệnh tuyển những người tinh tráng bổ vào thân quân. « Lúc ấy thân quân lần bị chưa đủ nghạch, vua sai thiếu-úy thuyền trong dân gian lấy những người thân thể khỏe mạnh (tráng) và tinh võ nghệ (tinh), được hai trăm người đều vào sổ ấy » (*K. đ. v. s.* q. 14, tờ 14 a-b).

Sang tháng chạp năm 1423 « định ra quân trượng. Lúc bấy giờ những cờ xí, thuyền bè, đồ đạc ở các quân thủy bộ, chưa có phép nhất định, vua Lê-Lợi định: trung đội dùng cờ vàng, thượng đội dùng cờ đỏ, hạ đội dùng cờ trắng; mỗi đạo hoặc mỗi vệ thì chủ tướng dùng một lá cờ đại, trong quân thì dùng hai lá cờ trung, mười lá đội kỳ bốn mươi lá cờ nhỏ, thuyền hỏa chiến mười chiếc thuyền nhỏ hai chiếc, còn những ống-lệnh, nỏ-mạnh, đao-đầu, mộc bản, tên tay và cần liềm, đều tùy số quân nhiều ít mà định. Lại đổi chức hỏa đầu làm chánh phó ngũ trưởng » (*Khâm-định Việt sử* q. 15 tờ 14 a).

Đến tháng hai năm sau (1429) thao diễn binh lính xong, chia bớt binh về làm ruộng. Trước kia vua Lê-Lợi đến Đông-đô, dụ các trưởng-sĩ rằng: Nay ta thấy những ba mươi nhám vạn quân, đợi khi đánh được Đông đô, thả hai mươi nhám vạn về làm ruộng, còn lưu lại mười vạn, để phòng vệ. Đến đây (1429) sắc các vệ quân năm đạo, đều tập trận pháp quân thủy quân bộ, thao diễn xong, chia làm năm phiên, một phiên ở lại ban làm lính, bốn phiên về làm ruộng » (*K. đ. v. s.* q. 15 tờ 19 a).

Thế là việc văn việc võ và trăm quan giúp sức đủ cả. Nay nói đến việc dân. Năm 1427, « Vua dụ cho các người lưu-di đều về nguyên-tịch. Lúc ấy nhân dân gặp loạn lưu tán đi các nơi nay vua dụ cho những dân ấy đều về nguyên-quán cho khỏi thất nghiệp » (*K. đ. V. s.* q. 14, tờ 12 a-b).

Tháng bảy năm ấy (1427) vua « sai các lộ cứ chiếu số nhân-khẩu hiện-thời định làm bộ-tịch. Từ bấy giờ về sau ba năm một lần làm lại: đó là che phép của đời Trần » (*K. đ. V. s.*, q. 14 tờ 16a).

Đến tháng ba năm 1428, tức là khi người Minh đã về Tàu, vua Lê-Lợi chia trong nước làm năm đạo. « Khi trước vua đến Đông đô chia trong nước làm bốn đạo (đông, tây, nam, bắc) đến đây dẹp yên tất cả, lại trích những đất ở Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hóa, đặt thêm đạo Hải-tây, và đặt ra vệ-quân, vệ thì đặt chức tổng-quản. Lại đặt chức hành-kiểm các đạo để chia nhau coi những bạ tịch, quân và dân » (*K. đ. V. s.* q. 15, tờ 5 a).

Tháng mười một năm ấy (1428) vua Lê Lợi « ban chiếu làm sổ đền sổ bộ, đặt chức xã quan. « Nguyên » trước vua Lê-Lợi sai tra kiểm những đồ đồng, sắt, dầu, vừng tơ, lụa, keo sơn, chàm, sáp dầu, muối, vật gì là thổ sản, và những điền-sản của Ngụy-quan (làm quan với giặc), nhà tuyệt-tự và lính đi trốn, đáng đem sung công, đều cho kê rõ để tâu. Đến đây (1428) vua chuẩn cho các quan châu, huyện, trấn, lộ, đi khám những hạng thuế thổ sản thuộc về đầm bãi ruộng và vàng bạc, các đền sản sung công, được bao nhiêu, kê rõ để làm sổ bạn đến trung-tuần tháng hai năm sau là năm kỷ-dậu (1429) lên trình bộ-tịch. Đến tháng tư năm quý-sửu (1433) sổ làm xong mới bắt đầu thi hành. Lại đặt chức xã-quan: Xã lớn 100 người trở lên thì ba xã quan, xã vừa 50 người trở lên thì hai xã-quan, xã nhỏ 10 người trở lên thì một xã-quan » (*K. đ. V. s.*, q. 15 tờ 13 a b và tờ 26 b; *Đại-Việt sử ký, toàn thư*, q. 10, tờ 72 b).

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Dương

2$00 một vé

Tháng giêng năm 1429 « Định phép quân điền. Vua cho rằng những kẻ chơi bời lười biếng phần nhiều xâm chiếm ruộng đất, mà những người có công đánh dẹp, không có thước tấc nào, thế thì nghèo giàu không đều, không lấy gì khuyến khích nghề nông. Bèn sai các đại-thần bàn định phép quân cấp, kể từ đại-thần trở xuống đến người già yếu, trẻ bồ côi người giá góa, chia ra từng hạng, rồi tâu vua nghe » (*K. đ.* V. *s.*, q 15, tờ 18a). Vua Tự-đức phê về việc quân - điền rằng : « Cái qui mô sáng nghiệp tuy chưa tới văn - minh nhưng đã đổi dần dần được những lâu tập của Lý, Trần (tức là lối cho tôn-thất và đại-thần khẩn ruộng riêng), nhiều việc khả-quan, vận nhà Lê được lâu dài, cũng phải »

Ngoài những việc làm sổ, chia ruộng và tha thuế, có việc tiêu tiền là quan-hệ nhất trong sự dân-sinh. Cho nên sau khi vua Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, cho đúc tiền gọi là tiền « Thuận-thiên thông bảo ». « Nguyên xưa trong đời Trần kiến trung (1225 - 1231), định lệ 69 đồng gọi là tiền gián, 70 đồng gọi là tiền chính, đến đây (1428) định 50 đồng là một tiền ». « gặp lúc ấy tiền tiêu thiếu, có kẻ dâng thơ xin làm tiền giấy thay tiền thật, vua bèn chiếu các đại thần nội nghị thi hành. Trong tờ chiếu đại lược nói rằng: « Thứ tiền đồng đời xưa, bị người Tàu tiêu hủy, trăm phần chỉ còn một phần đến nay những việc quân việc nước, càng thấy thiếu thốn, cần cho lưu thông, để tiện dùng cho dân, há chẳng khó thay ! Hôm nọ có người dâng thơ xin thay bằng tiền giấy. Trẫm đã suy nghĩ suốt ngày đêm, mà chưa được ổn, vì tiền giấy là vật vô dụng, mà thi hành vào những dân hữu dụng, thì thật không đúng cái ý yêu dân dùng của ». giao xuống đình thần bàn bạc kỹ càng, thế nào cho thỏa ». (*K. đ.* V. *s.* q. 15, tờ 14 b 15 a).

Rồi đến binh luật, vua Lê - Lợi lại càng chú trọng, cho nên sau khi lên ngôi, liền sai các đại thần định các luật lệnh về tử tụng » (*K. đ.* V. *s.* q. 15, tờ 10 a).

« Tháng hai năm 1429, định ra luật cấm uống rượu đánh bạc. Lúc bấy giờ phần nhiều người chơi không, sinh ra ham uống rượu đánh bạc, cho nên nghiêm dụ lệ cấm. Người đánh bạc và chơi những trò bất chính bị chặt tay ba phân. Người đánh cờ vây bị chặt tay một phân. Không phải việc quan mà họp nhau riêng để uống rượu, bị phạt một trăm trượng. Nếu người nào biết thôi thì được giảm một bậc ». (*K. đ.* V. *s.* q. 15, tờ 15 b).

Ngoài những công việc trị nước trị dân, lại có những việc đến ngày nay ta có bắt chước, như « năm 1427, ra lệnh cho nhân dân các lộ, hễ người nào nộp thóc để cấp cho quân ăn, thì được phong tước, nhưng có thứ tự khác nhau (đại - khái nộp nhiều thóc thì được hàm cao, ít thóc thì được hàm thấp). (*K. đ.* V *s.* q. 14, tờ 2a).

Ấy đại - khái những công việc chính của mấy đời độc - lập tự-chủ như thế, còn muốn xem cho đủ thì phải chép một quyển thật dầy mới hết. Đây là chỉ nhắc cho ta biết rằng : các bậc tiền-bối đều đã có sẵn những quy mô và kiến-thiết làm một nước tự trị, thật không hổ thẹn với giang-sơn Đại-Việt.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRI-TÂN SẼ XUẤT BẢN :

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

của HOA-BẰNG

QUY BÀ, QUÝ CÔ
TỚI

HIỆU THỊT GIA LONG

36, Phố Gia-Long — Hanoi
Giây nói : 19-64

sẽ rất hài lòng vì được ân-cần tiếp đãi, mua được đủ Thịt Bò, Lợn tươi hay ướp lạnh, Mỡ Nước, Mỡ Lá, Bơ và Phó Mát, thức ăn nguội đặc-biệt, **VỚI NHỮNG GIÁ TỐI THIỂU và ĐÚNG CÂN, LẠNG.**

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941
Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi